



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

# HỒ SƠ NĂNG LỰC

## DANH MỤC HỒ SƠ

- ❖ Giới thiệu chung về Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1
  - ✓ Lịch sử hình thành và phát triển
  - ✓ Chức năng nhiệm vụ
  - ✓ Sơ đồ tổ chức
  - ✓ Ban Lãnh đạo
  - ✓ Chính sách chất lượng/ cam kết cộng đồng
- ❖ Tài liệu pháp lý (Tur cách pháp nhân)
  - ✓ Quyết định thành lập số 1273/QĐ-TĐC
  - ✓ Giấy phép đăng ký kinh doanh mã số 0100111602
  - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ mã số A502
  - ✓ Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức số 545/QĐ-TĐC
- ❖ Giới thiệu chung về các phòng
- ❖ Bảng tổng hợp Quyết định chỉ định
- ❖ Chứng chỉ công nhận



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

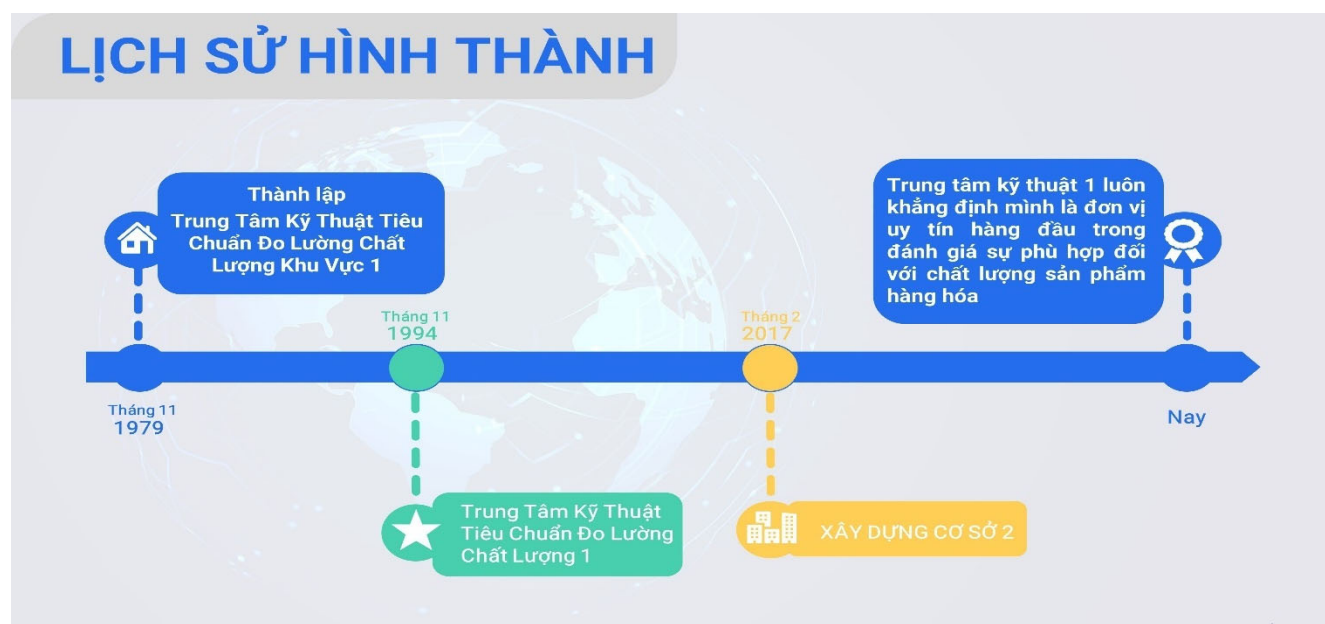
Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

# **GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUATEST1**

## 1. GIỚI THIỆU TRUNG TÂM

|                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| TÊN TRUNG TÂM          | TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1                                                                                                                                                                                                                              |
| TÊN TIẾNG ANH          | QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER NO.1                                                                                                                                                                                                                                        |
| TÊN VIẾT TẮT           | QUATEST1                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Thông tin trụ sở chính | Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.<br>Điện thoại: 0243.836.0289<br>Fax: 0243.836.1199<br>Email: <a href="mailto:thitruong@quatest1.com.vn">thitruong@quatest1.com.vn</a><br>Website: <a href="http://www.quatest1.com.vn">www.quatest1.com.vn</a> |
| Đăng ký kinh doanh     | Số 0100111602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp<br>Đăng ký lần đầu ngày: 10/04/2008<br>Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày: 05/11/2018                                                                                                                                         |
| Mã số thuế             | 0100111602                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Thông tin cơ sở 2      | Địa chỉ: Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội<br>Điện thoại: 0243.219.1002                                                                                                                                                                         |

## 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:



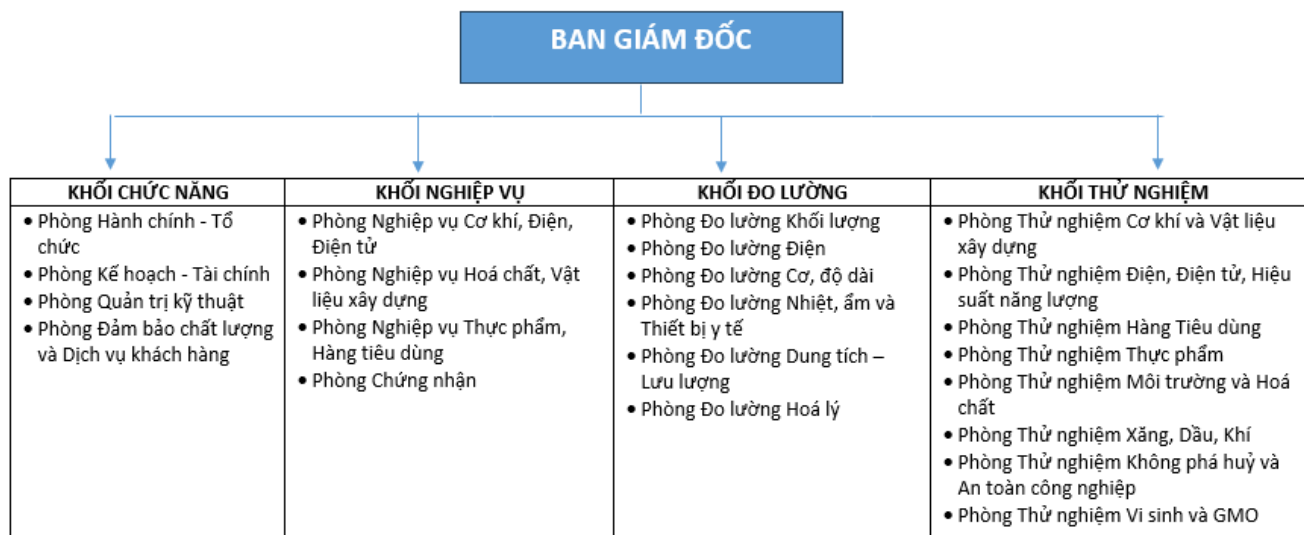
## 3. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Thử nghiệm không phá hủy - NDT, kiểm định an toàn cho các thiết bị, hệ thống có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phê duyệt mẫu phương tiện đo, hiệu chuẩn chuẩn đo lường, kiểm tra, đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo, theo quy định của pháp luật.
- Thử nghiệm đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường.
- Kiểm tra, giám định chất lượng sản phẩm hàng hoá, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất, chất lượng công trình; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ.
- Đánh giá chứng nhận các Hệ thống quản lý, chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Bảo trì, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ.
- Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

#### 4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC:

Thông tin về Sơ đồ tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật 1 ban hành kèm theo Quyết định số 545/QĐ-TĐC ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, được trình bày ở sơ đồ dưới đây:



#### 5. BAN LÃNH ĐẠO:

Ban Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 gồm 04 người:

Giám đốc – Ông Kim Đức Thu

Email: [kimducthu@quatest1.com.vn](mailto:kimducthu@quatest1.com.vn)

Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Ngọc Châm

Email: [nguyennngoccham@quatest1.com.vn](mailto:nguyennngoccham@quatest1.com.vn)

Phó Giám đốc - Ông Nguyễn Tuấn Hải

Email: [nguyentuanhai@quatest1.com.vn](mailto:nguyentuanhai@quatest1.com.vn)

Phó Giám đốc - Ông Đặng Thanh Tùng

Email: [dangthanhtung@quatest1.com.vn](mailto:dangthanhtung@quatest1.com.vn)

## **6. CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG/ CAM KẾT CỘNG ĐỒNG:**

Hệ thống quản lý chất lượng của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 luôn được cải tiến và duy trì công nhận đối với từng hoạt động cụ thể như sau:

- Hoạt động giám định được công nhận phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17020:2012- Chuẩn mực chung cho các hoạt động của tổ chức tiến hành giám định.
- Hoạt động thí nghiệm (thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn) được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 – Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn;
- Hoạt động chứng nhận sản phẩm được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17065:2012- Yêu cầu chung đối với các tổ chức chứng nhận sản phẩm.
- Hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý được công nhận phù hợp với các yêu cầu của ISO/IEC 17021 - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý.

## **CAM KẾT**

- Tất cả các hoạt động dịch vụ của Quatest 1 chỉ hoàn thành khi khách hàng nhận được chứng chỉ hoặc chứng nhận tương đương.
- Để nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thường xuyên tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại, coi trọng việc đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

## **7. TÀI LIỆU PHÁP LÝ (TU' CÁCH PHÁP NHÂN):**

- Quyết định thành lập: Quyết định số 1273/QĐ-TĐC, ngày 05 tháng 11 năm 1994 của Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ)
- Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy đăng ký kinh doanh mã số 0100111602 (thay đổi lần 3)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KHCN: Số A-502
- Quyết định số 545/QĐ-TĐC ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

# TÀI LIỆU PHÁP LÝ

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**V/v thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng 1**

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 15-CP ngày 02/03/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 22-CP ngày 22/05/1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét đề nghị của các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức và Cán bộ khoa học;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1:** Thành lập Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 1 (gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) trên cơ sở các phòng Thử nghiệm, các phòng Đo lường và các phòng Nghiệp vụ của Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng khu vực 1. Trụ sở đặt tại thành phố Hà nội.
- Điều 2:** Trung tâm Kỹ thuật 1 là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng và có con dấu để giao dịch công tác.
- Điều 3:** Trung tâm Kỹ thuật 1 có nhiệm vụ chính sau đây :
1. Tiến hành thử nghiệm, thẩm định, đánh giá, giám định chất lượng hàng hoá và đo lường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cũng như các yêu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan Hải quan, Môi trường, Quản lý thị trường, Công nghệ, Tư pháp... Ngoài ra được phép khai thác năng lực đo lường, thử nghiệm để phục vụ các yêu cầu của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.
  2. Bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường và tiến hành kiểm định chuẩn theo phân cấp của Tổng cục đối với Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh...
  3. Tham gia xây dựng Tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Quốc tế.
  4. Tổ chức công tác thông tin, đào tạo, hợp tác Quốc tế trên địa bàn theo sự phân công của Tổng cục.

5. Quản lý cán bộ, tài sản theo quy định.

**Điều 4:** Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật 1 để trình Bộ ký duyệt và ban hành.

**Điều 5:** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 6:** Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ khoa học, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận**

- Tổng cục TCĐLCL
- VP Bộ
- Vụ TCCBKH

*Mh*



*Dũng Hùng*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mã số: 0100111602

*Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 04 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 05 tháng 11 năm 2018*

**1. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:**

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng Việt:

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài: QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt: QUATEST1

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.38361399

Fax: 024.38361399

Email: [hanhchinh@quatest1.com.vn](mailto:hanhchinh@quatest1.com.vn)

Website: [www.quatest1.com.vn](http://www.quatest1.com.vn)

**3. Ngành, nghề kinh doanh:**

| Số TT | Tên ngành nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.    | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật:<br>Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"><li>- Kiểm tra, thử nghiệm và đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ theo chỉ định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;</li><li>- Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi được công nhận;</li><li>- Hiệu chuẩn, kiểm tra và đánh giá các phương tiện đo, hệ thống đo;</li><li>- Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ phù hợp tiêu chuẩn và các quy chuẩn kỹ thuật;</li><li>- Thử nghiệm, đánh giá, thẩm định chất lượng, kỹ thuật, vệ sinh, an toàn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, vật liệu, cấu kiện, dự án và công trình theo yêu cầu của các cơ quan quản</li></ul> | 7120     |

| Số TT | Tên ngành nghề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|       | lý, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân;<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng hàng hóa, công trình phù hợp tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</li> <li>- Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra hàn không phá hủy (NDT), kỹ năng thợ hàn;</li> <li>- Kiểm tra an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn;</li> </ul>            |          |
| 2.    | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám định thương mại</li> <li>- Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, chuyển giao công nghệ và an toàn công nghiệp, tư vấn và đánh giá chất lượng công trình xây dựng theo quy định: quan trắc, đánh giá tác động và thực trạng môi trường;</li> </ul> | 7490     |
| 3.    | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học: Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa các phương tiện đo, thiết bị thử nghiệm, thiết bị kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                  | 3313     |
| 4.    | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật: Chi tiết:<br>Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và các phương tiện đo<br>Tổ chức thực hiện, nghiên cứu triển khai ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ                                                                                                                                                             | 7210     |
| 5.    | Giáo dục nghề nghiệp: Chi tiết:<br>Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, các hệ thống quản lý, công cụ quản lý chất lượng và các nội dung có liên quan khác<br>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép)                                                                                                                | 8532     |

**4. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp: 24.486.372.888 đồng**

*Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi tám đồng.*

**5. Tên cơ quan chủ quản: TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**6. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ:**

Chức danh: *Giám đốc*

Họ và tên: **KIM ĐỨC THỤ** Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *10/05/1966* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Căn cước công dân*

Số: *026066002265* Ngày cấp: *13/8/2018*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 501-B3, TT Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.*



**TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Thị Kim Tuyền**





## QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức khoa học và công nghệ phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xóa nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Nghiêm cấm cho mượn, cho thuê Giấy chứng nhận.
4. Làm thủ tục đăng ký thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận theo đúng quy định.
5. Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định khi Giấy chứng nhận bị mất hoặc rách, nát.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### CHỨNG NHẬN

#### ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Đăng ký lần đầu, ngày 07/9/1995 (số đăng ký: 417)*

*Đăng ký lần hai, ngày 03/5/2006 (A-502); Đăng ký lần ba, ngày 20/4/2010*

#### Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

#### Tên viết bằng tiếng nước ngoài:

Quality Assurance and Testing Center 1

#### Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: QUATEST 1

#### Trụ sở chính:

Số 8, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô,  
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Tổng số vốn:** 6.863.898.293 đồng

#### Cơ quan quyết định thành lập:

Bộ Khoa học và Công nghệ

Quyết định số: 489/QĐ-BKHCN ngày 27/3/2024

*(trước đây theo Quyết định số: 1373/QĐ ngày 05/11/1994)*

*Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)*

#### Cơ quan quản lý trực tiếp:

Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

#### Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Kim Đức Thụ

CCCD số: 026066002265

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày cấp: 10/4/2021

SỐ ĐĂNG KÝ: A - 502

#### Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- Nghiên cứu khoa học và thực hiện các chương trình, đề tài trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Nghiên cứu, chế tạo và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn và phương tiện đo.

- Dịch vụ KH&CN: Đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, hệ thống; Kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo, chuẩn đo lường; Thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm nghiệm kèm chứng, đánh giá chất lượng an toàn các sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm; Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm đánh giá tác động và thực trạng môi trường; Giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng, an toàn và kỹ thuật an toàn, môi trường đối với sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây truyền sản xuất, chuyển giao công nghệ và chất lượng công trình xây dựng; Kiểm định an toàn công nghiệp, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu về an toàn; Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật về: tiêu chuẩn, chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; Tư vấn giám sát và đánh giá chất lượng công trình, giám sát lắp đặt, chế tạo thiết bị; Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn đổi mới công nghệ; Đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm hàng hóa dịch vụ, công trình phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá quy trình hàn, quy trình kiểm tra không phá hủy, kỹ năng thợ hàn; Tư vấn quản lý dự án, đấu thầu, xây dựng các giải pháp kỹ thuật, lập các dự án đầu tư và trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường; Thực hiện chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật mã số, mã vạch và các công nghệ nhận dạng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức và cá nhân.

- Hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Trung tâm.

(Đối với những lĩnh vực hoạt động có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Lê Xuân Định

ĐẾN Số: 331 Số: 545 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Ngày: 13/3/25

Chuyên: HCTC, KHTC, QA

Số và ký hiệu HS: BGA

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1

## CHỦ TỊCH

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 163 /QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ và Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

## QUYẾT ĐỊNH:

## Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm Kỹ thuật 1) là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trực thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (sau đây gọi tắt là Ủy ban) có chức năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI) và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển và tăng cường năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân; thực hiện công tác phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Bắc theo quy định của pháp luật.

2. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tên giao dịch quốc tế là Quality Assurance and Testing Center 1 (viết tắt là QUATEST1).

3. Trung tâm Kỹ thuật 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

4. Trung tâm Kỹ thuật 1 có trụ sở chính tại số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; các phòng Thí nghiệm tại Lô 2-3-6A khu Công nghiệp Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển và hoạt động dài hạn, hàng năm của Trung tâm.

2. Đề xuất, phối hợp tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản kỹ thuật liên quan.

3. Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Ủy ban để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng phục vụ quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu và theo chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban; cung cấp nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, thẩm định, đánh giá năng lực hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tiến hành các hoạt động đánh giá sự phù hợp trong các lĩnh vực (Chứng nhận, giám định, kiểm định, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, hệ thống) theo yêu cầu hoặc chỉ định của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Nghiên cứu triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, xây dựng và triển khai các phương pháp, quy trình: thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, giám định, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa. Nghiên cứu, phối hợp, thực hiện các đề tài/dự án khoa học công nghệ; phát triển dịch vụ; đổi mới sáng tạo phục vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

6. Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất và cung cấp các chuẩn đo lường, mẫu chuẩn, chất chuẩn, mẫu thử, phương tiện đo, trang thiết bị đo lường, thử nghiệm và các phương tiện, thiết bị phục vụ đo lường, thử nghiệm, giám định, lấy mẫu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định của pháp luật.

8. Thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm nghiệm kiểm chứng, đánh giá chất lượng, an toàn sản phẩm, hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, công trình, hiệu suất năng lượng, sản phẩm biến đổi gen và vệ sinh an toàn thực phẩm. Khảo sát, quan trắc, thử nghiệm, đánh giá tác động và thực trạng môi trường. Cung cấp dịch vụ thử nghiệm, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng, giám định xây dựng theo quy định của pháp luật.

9. Giám định, kiểm định, đánh giá chất lượng, an toàn và kỹ thuật an toàn, môi trường đối với sản phẩm hàng hóa, vật liệu, cấu kiện, thiết bị, dây chuyền công nghệ, công trình xây dựng, an toàn thực phẩm. Khảo sát, đánh giá các điều kiện kỹ thuật, thực trạng công nghệ, tư vấn xây dựng các giải pháp kỹ thuật, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất.

10. Chứng nhận chất lượng, an toàn, môi trường đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, công trình xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định kỹ thuật khác.

11. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, các hệ thống quản lý khác và các quy trình thực hành tốt phù hợp các tiêu chuẩn và chuẩn mực được thừa nhận khác có liên quan theo các quy định của pháp luật; chứng nhận/thẩm định báo cáo khí nhà kính và định lượng dấu vết carbon; thẩm định và xác nhận hệ thống quản lý, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới và các hoạt động đánh giá sự phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

12. Kiểm tra chấp nhận quy trình hàn, thợ hàn theo tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn quốc tế.

13. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động: Các loại máy, thiết bị, hệ thống thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; kiểm định chất lượng công trình xây dựng; lắp đặt dây chuyền, công nghệ.

14. Chủ trì, phối hợp với đơn vị đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về thống kê số liệu, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; triển khai hộ chiếu số của sản phẩm; thực hiện chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật mã số, mã vạch và các công nghệ nhận dạng sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của tổ chức và cá nhân; cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, chế tạo, lắp đặt, giám sát lắp đặt, cung ứng thiết bị, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng, và nghiệm thu kỹ thuật đối với các phương tiện đo, thiết bị đo lường, thử nghiệm. Tư vấn lập các dự án đầu tư trang thiết bị phòng thử nghiệm, đo lường theo quy định của pháp luật.

15. Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

16. Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận về: tiêu chuẩn, chất lượng, đo lường, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ; đào tạo kiểm định viên và hiệu chuẩn viên đo lường; đào tạo lĩnh vực thử nghiệm Không phá hủy (NDT), đào tạo giám định viên, đào tạo thử nghiệm viên các kỹ thuật về thử nghiệm và các nội dung đào tạo khác có liên quan theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân và theo quy định của pháp luật.

17. Đào tạo, hướng dẫn xây dựng và áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, các công cụ quản lý tiên tiến chất lượng, năng suất, tiết kiệm năng lượng, kiểm kê khí nhà kính, dấu vết carbon và các giải pháp kỹ thuật, công nghệ phục vụ mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia về năng suất, chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và kỹ thuật trong



lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các dịch vụ khoa học công nghệ, để đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật tại doanh nghiệp.

18. Nghiên cứu phương hướng mục tiêu, chính sách, biện pháp, xây dựng hỗ trợ kỹ thuật, thúc đẩy công tác đảm bảo đo lường đối với các doanh nghiệp; Tư vấn nâng cao kỹ thuật, công nghệ, năng suất chất lượng trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

19. Tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc các phòng thử nghiệm trong và ngoài nước.

20. Đầu tư phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

21. Tổ chức đoàn ra, đoàn vào trong khuôn khổ các nhiệm vụ, chương trình, dự án của Trung tâm và theo chỉ đạo của Ủy ban; quyết định mời hoặc thuê chuyên gia nước ngoài vào làm việc và cử viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của Trung tâm đi công tác, học tập và làm việc ở nước ngoài theo phân cấp của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban và theo quy định của pháp luật.

22. Thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền, xúc tiến, quảng bá các hoạt động liên quan đến nhiệm vụ của Trung tâm.

23. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước về các nội dung liên quan đến hoạt động của Trung tâm theo quy định của Ủy ban và của pháp luật.

24. Phối hợp cung cấp thông tin liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp cho Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp Quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam) để xem xét và phối hợp thực hiện nghĩa vụ minh bạch hóa về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong các cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam là thành viên.

25. Quản lý viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, hồ sơ, tài chính, tài sản, tài liệu và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng của Trung tâm theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

26. Quyết định nhân sự đi công tác nước ngoài theo thẩm quyền quản lý (trừ Lãnh đạo đơn vị).

27. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp của cơ quan có thẩm quyền; sử dụng ngân sách nhà nước được cấp và các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

28. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

#### **1. Hội đồng quản lý:**

Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Kỹ thuật 1.

Hội đồng quản lý có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

#### **2. Lãnh đạo Trung tâm**

Trung tâm Kỹ thuật 1 gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc.

Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban và trước pháp luật về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác của Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công.

#### **3. Tổ chức bộ máy**

- Phòng Hành chính - Tổ chức (Phòng HCTC).
- Phòng Kế hoạch - Tài chính (Phòng KHTC).
- Phòng Quản trị Kỹ thuật (Phòng QTKT).
- Phòng Đảm bảo Chất lượng và Dịch vụ Khách hàng (Phòng QA).
- Phòng Nghiệp vụ Cơ khí, Điện, Điện tử (Phòng NV1).
- Phòng Nghiệp vụ Hoá chất, Vật liệu xây dựng (Phòng NV2).
- Phòng Nghiệp vụ Thực phẩm, Hàng tiêu dùng (Phòng NV3).
- Phòng Chứng nhận (Phòng NV4).
- Phòng Thử nghiệm Cơ khí và Vật liệu xây dựng (Phòng TN1).
- Phòng Thử nghiệm Điện, Điện tử và Hiệu suất năng lượng (Phòng TN2).
- Phòng Thử nghiệm Hàng tiêu dùng (Phòng TN3).
- Phòng Thử nghiệm Thực phẩm (Phòng TN4).
- Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hoá chất (Phòng TN5).
- Phòng Thử nghiệm Xăng, Dầu, Khí (Phòng TN6).
- Phòng Thử nghiệm Không phá huỷ và An toàn công nghiệp (Phòng TN7).
- Phòng Thử nghiệm Vi sinh và GMO (Phòng TN8).
- Phòng Đo lường Khối lượng (Phòng DL1).
- Phòng Đo lường Điện (Phòng DL2).



- Phòng Đo lường Cơ - Độ dài (Phòng ĐL3).
- Phòng Đo lường Nhiệt, Âm và Thiết bị Y tế (Phòng ĐL4).
- Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng (Phòng ĐL5).
- Phòng Đo lường Hóa lý (Phòng ĐL6).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị và mối quan hệ công tác giữa các đơn vị do Giám đốc Trung tâm quy định.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 218/QĐ-TĐC ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành Điều lệ tạm thời về Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.

#### **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ KH&CN (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

**Q. CHỦ TỊCH**



**Hà Minh Hiệp**



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

# **GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÁC PHÒNG**

## PHÒNG ĐO LƯỜNG KHỐI LƯỢNG

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG KHỐI LƯỢNG

**TÊN TIẾNG ANH:** MASS MEASUREMENT LABORATORY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Kiểm định, hiệu chuẩn cân phân tích đến 2kg, cân kỹ thuật đến 50kg, cân đồng hồ lò xo đến 200kg, cân treo dọc thép lá đề đến 200kg, quả cân đến 5000kg.
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cân bàn đến 15 tấn, cân đĩa đến 60kg, cân ô tô đến 150 tấn, cân tàu hỏa tĩnh đến 150 tấn, cân tàu hỏa động đến 150 tấn, cân băng tải đến 15000 tấn/h, cân ô tô động đến 150 tấn, cân kiểm tra quá tải đến 50 tấn.
- Hướng dẫn sử dụng lắp đặt, hiệu chỉnh thử nghiệm thiết bị đo lường

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị     |
|-----|------------------|
| 1   | Bộ quả cân chuẩn |
| 2   | Quả cân chuẩn    |
| 3   | Xích chuẩn       |
| 4   | Cân so sánh      |

### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên       | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-----------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                 |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Ngô Ngọc Trâm   | 1976     | 5505                   |                    | X        |          |
| 2   | Nguyễn Văn Tuấn | 1984     | 0108                   |                    | X        |          |
| 3   | Lê Anh Tuấn     | 1975     | 0106                   |                    |          | X        |
| 4   | Vũ Cảnh Vinh    | 1979     | 0109                   |                    |          | X        |
| 5   | Quách Văn Luân  | 1987     | 0110                   |                    |          | X        |
| 6   | Vũ Bùi Công     | 1986     | 0111                   |                    | X        |          |

## PHÒNG ĐO LƯỜNG ĐIỆN

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG ĐIỆN

**TÊN TIẾNG ANH:** ELECTRICAL MEASUREMENT LABORATORY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phê duyệt mẫu công tơ điện 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng, kiểu điện tử.
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phê duyệt mẫu máy biến dòng, biến áp đo lường đến 220 kV
- Hiệu chuẩn các điện trở chuẩn, hộp điện trở chuẩn, hộp điện trở thập phân...
- Hiệu chuẩn các loại đồng hồ đo điện: V-A-W
- Kiểm định hiệu chuẩn Mêgaoôm mét, Teromet...
- Hiệu chuẩn các loại cầu đo điện trở...
- Hiệu chuẩn các loại máy thử cao áp
- Đào tạo Kiểm định viên đo lường điện
- Hướng dẫn sử dụng lắp đặt các thiết bị đo lường điện

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                        |
|-----|-------------------------------------|
| 1   | Biến áp đo lường chuẩn              |
| 2   | Biến dòng đo lường chuẩn            |
| 3   | Công tơ điện xoay chiều chuẩn 3 pha |
| 4   | Thiết bị kiểm định công tơ điện     |
| 5   | Hộp điện trở chuẩn                  |
| 6   | Bộ nguồn chuẩn 3 pha                |
| 7   | Thiết bị đo cao áp đến 200kV        |

### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên        | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|------------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                  |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Lý Tiến Dũng     | 1973     | 0113                   |                    |          | X        |
| 2   | Nguyễn Xuân Việt | 1981     | 0115                   |                    |          | X        |
| 3   | Phạm Quang Vinh  | 1982     | 0116                   |                    |          | X        |
| 4   | Đỗ Xuân Hà       | 1983     | 0117                   |                    |          | X        |
| 5   | Nguyễn Thị Hương | 1977     | 0114                   |                    |          | X        |
| 6   | Hoàng Trọng Văn  | 1987     | 2702                   |                    | X        |          |
| 7   | Tạ Kim Long      | 2000     | 5506                   | X                  |          |          |

## PHÒNG ĐO LƯỜNG CƠ VÀ ĐỘ DÀI

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG CƠ VÀ ĐỘ DÀI

**TÊN TIẾNG ANH:** MECHANICAL AND LENGTH MEASUREMENT LABORATORY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Kiểm định, hiệu chuẩn các loại phương tiện đo lĩnh vực Áp suất như: áp kế, chân không kế, đo chênh áp, huyết áp kế, chuyển đổi áp suất, đặt mức áp suất, van an toàn, kiểm tra rò khí, hệ thống tạo áp, thiết bị đo áp lực nước lỗ rỗng... Hiệu chuẩn áp kế chuẩn kiểu chỉ thị số và tương tự.
- Kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện đo lĩnh vực Lực như: máy thử độ bền kéo nén, lực kế, thiết bị đo mô men lực, độ cứng, thử độ dai va đập, các thiết bị thử nghiệm vật liệu xây dựng...
- Hiệu chuẩn các phương tiện đo độ lĩnh vực Độ dài và Góc như: thước cặp, panme, thước vạch, thước cuộn, đồng hồ so, dưỡng ren, dưỡng trụ, thiết bị đo lỗ, dưỡng chiều dày, căn mẫu, thước đo góc, thước đo nghiêng, thước đo cao, ni vô, thiết bị đo độ thẳng, độ phẳng...
- Hiệu chuẩn các máy đo tọa độ, máy thủy chuẩn, máy kinh vĩ, máy toàn đạc điện tử, máy đo khoảng cách, máy đo độ nhám bề mặt, độ bóng bề mặt, màu sắc và các thiết bị phục vụ cho ngành may mặc...
- Hiệu chuẩn đồng hồ bấm giây cơ khí, điện tử, các thiết bị đo đếm thời gian, thiết bị đo tần số, tốc độ vòng quay, tốc độ dịch chuyển, rung động...
- Hiệu chuẩn các máy siêu âm dò khuyết tật kim loại và bê tông, máy siêu âm quan trắc hố khoan, máy đo độ đen phim, gong từ, máy đo chiều dày lớp phủ, máy dò cốt thép trong bê tông, máy quang phổ phát xạ phân tích thành phần hóa học kim loại...
- Kiểm định Taximet, thử nghiệm phê duyệt mẫu Taximet và hiệu chuẩn chuẩn đo lường Taximet.
- Đào tạo kiểm định viên, hiệu chuẩn viên đo lường áp suất, lực và độ dài. Hướng dẫn sử dụng và chuyển giao công nghệ các thiết bị đo lường, thử nghiệm lĩnh vực áp suất, lực và độ dài. Thiết kế và chế tạo các hệ thống thiết bị đo lường, phần mềm đo lường điều khiển, phần mềm quản lý

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                                                           | STT | Tên thiết bị                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------------------|
| 1   | Hệ thống áp kế chuẩn kiểu Piston                                       | 21  | Máy phát tần số                                           |
| 2   | Hệ thống áp kế chuẩn kiểu chỉ thị số                                   | 22  | Máy đếm tần số                                            |
| 3   | Bộ thiết bị hiệu chuẩn khí áp kế                                       | 23  | Máy đếm xung                                              |
| 4   | Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo chênh áp, rò khí.                   | 24  | Máy đo rung                                               |
| 5   | Bộ thiết bị chuyển đổi áp suất                                         | 25  | Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo rung động              |
| 6   | Bộ thiết bị cảm biến áp suất                                           | 26  | Thiết bị cảm biến quang đo xung PRF                       |
| 7   | Thiết bị kiểm định huyết áp kế điện tử, huyết áp kế lò xo và thủy ngân | 27  | Thiết bị đo công suất laser                               |
| 8   | Thiết bị hiệu chuẩn quá trình                                          | 28  | Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo tốc độ vòng quay       |
| 9   | Bộ các lực kế chuẩn chỉ thị số                                         | 29  | Thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo chiều dài tiếp xúc lăn |
| 10  | Bộ thiết bị hiệu chuẩn phương tiện đo lực                              | 30  | Máy thu thời gian GPS                                     |

| STT | Tên thiết bị                                                    | STT | Tên thiết bị                                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------|
| 11  | Hệ thống thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn PTĐ và chuẩn mô men lực | 31  | Thiết bị hiệu chuẩn đồng hồ thời gian                               |
| 12  | Hệ thống đo độ dài và góc sử dụng giao thoa kế laser            | 32  | Thiết bị đo khoảng cách thời gian                                   |
| 13  | Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn thước vạch, thước cuộn           | 33  | Thiết bị hiệu chuẩn chuẩn kiểm định Taximet                         |
| 14  | Hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị trắc địa                | 34  | Bộ chuẩn độ tròn, độ trụ                                            |
| 15  | Máy toàn đạc điện tử                                            | 35  | Bộ chuẩn độ nhám bề mặt                                             |
| 16  | Máy đo độ dài vạn năng                                          | 36  | Bộ chuẩn độ cứng thép, nhôm, cao su                                 |
| 17  | Thiết bị hiệu chuẩn căn mẫu                                     | 37  | Bộ chuẩn chiều dày, lớp phủ                                         |
| 18  | Các bộ căn mẫu song phẳng, căn mẫu góc                          | 38  | Bộ chuẩn độ bóng, màu sắc                                           |
| 19  | Kính hiển vi đo lường                                           | 39  | Bộ chuẩn thành phần vật liệu kim loại                               |
| 20  | Thiết bị chuẩn độ vuông góc và độ thẳng                         | 40  | Bộ chuẩn dùng để hiệu chuẩn thiết bị thử nghiệm không phá hủy (NDT) |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|--------------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                    |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Đinh Thế Thìn      | 1976     | 0118                   |                    |          | X        |
| 2   | Lương Văn Hưng     | 1982     | 0119                   |                    | X        |          |
| 3   | Nguyễn Văn Võ      | 1987     | 0120                   |                    | X        |          |
| 4   | Lê Văn Luận        | 1968     | 0121                   |                    |          | X        |
| 5   | Nguyễn Đức Quang   | 1984     | 0122                   |                    |          | X        |
| 6   | Trần Thị Hồng Thúy | 1970     | 0123                   |                    |          | X        |
| 7   | Phạm Hoài Nam      | 1982     | 3309                   | X                  |          |          |
| 8   | Đông Văn Mạc       | 1973     | 3774                   |                    |          | X        |

## PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT, ẨM, THIẾT BỊ Y TẾ

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT, ẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ

**TÊN TIẾNG ANH:** DEPARTMENT TEMPERATURE, HUMIDITY, MEDICAL EQUIPMENT METROLOGY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- **Kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm các phương tiện đo/ chuẩn đo lường thuộc đại lượng nhiệt độ, độ ẩm, nhiệt lượng, dung tích**
  - + Kiểm định nhiệt kế y học thủy ngân có cơ cấu cực đại, nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại;
  - + Kiểm định, hiệu chuẩn nhiệt kế thủy tinh chất lỏng, nhiệt kế Beckmann
  - + Hiệu chuẩn nhiệt kế chỉ thị hiện số và tương tự, nhiệt kế đo nhiệt độ bề mặt, rơ le nhiệt
  - + Hiệu chuẩn thiết bị chỉ thị nhiệt độ hiện số và tương tự
  - + Hiệu chuẩn bộ chuyển đổi đo nhiệt độ
  - + Hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ công nghiệp (súng bắn nhiệt)
  - + Hiệu chuẩn nhiệt ẩm kế, ẩm kế
  - + Hiệu chuẩn bộ chuyển đổi đo nhiệt độ
  - + Hiệu chuẩn nhiệt kế điện trở Platin công nghiệp; cặp nhiệt điện công nghiệp
  - + Hiệu chuẩn lò hiệu chuẩn nhiệt độ kiểu khô
  - + Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt lượng (bom nhiệt lượng);
  - + Hiệu chuẩn, đánh giá phân bố nhiệt của: Lò nung, nồi hấp, bể điều nhiệt chất lỏng, tủ ẩm, tủ sấy, tủ lạnh, tủ ủ BOD, tủ âm sâu...
  - + Hiệu chuẩn máy PCR, lò phá mẫu COD, bếp phá mẫu cho bộ cất đạm,...
  - + Hiệu chuẩn nguồn vật đen chuẩn.
  - + Hiệu chuẩn pipet, dụng cụ dung tích thủy tinh
- **Kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật/ hiệu chuẩn các thiết bị y tế**

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                            | STT | Tên thiết bị                                                  |
|-----|-----------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------|
| 1   | Đầu đo điện trở chuẩn SPRT              | 18  | Nguồn vật đen chuẩn (150 ~ 1 100) °C                          |
| 2   | Đầu đo cặp nhiệt điện chuẩn type S      | 19  | Nguồn chuẩn nhiệt độ độ ẩm                                    |
| 3   | Bể điều nhiệt dải thấp tới -20 °C       | 20  | Nhiệt ẩm kế chuẩn                                             |
| 4   | Bể điều nhiệt dải thấp tới -80 °C       | 21  | Thiết bị hiệu chuẩn Pipet chuyên dùng                         |
| 5   | Lò hiệu chuẩn nhiệt độ (-45 ~ 140) °C   | 22  | Cân kỹ thuật                                                  |
| 6   | Lò hiệu chuẩn nhiệt độ (50 ~ 700) °C    | 23  | Cân phân tích                                                 |
| 7   | Lò hiệu chuẩn nhiệt độ (150 ~ 1 200) °C | 24  | Dụng cụ kiểm tra tiêu điểm bóng X – Quang                     |
| 8   | Bộ chỉ thị nhiệt độ chuẩn 2 kênh        | 25  | Máy đo đa năng - Thiết bị kiểm định máy X-Quang và CT đa năng |
| 9   | Bộ chỉ thị nhiệt độ chuẩn 4 kênh        | 26  | Máy đo liều phóng xạ xách tay                                 |
| 10  | Bộ chỉ thị nhiệt độ chuẩn 20 kênh       | 27  | Máy kiểm tra an toàn điện                                     |
| 11  | Bộ quét dữ liệu 10 kênh chuẩn           | 28  | Phần mềm đánh giá chất lượng hình ảnh máy CT                  |
| 12  | Bộ quét dữ liệu 15 kênh chuẩn           | 29  | Thiết bị kiểm tra liều cho máy CT                             |

| STT | Tên thiết bị                       | STT | Tên thiết bị                                                                   |
|-----|------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------|
| 13  | Bộ quét dữ liệu 30 kênh chuẩn      | 30  | Phantom chuẩn kiểm tra chất lượng hình ảnh máy X – Quang tăng sáng truyền hình |
| 14  | Nhiệt kế 02 kênh chuẩn             | 31  | Phantom kiểm tra chất lượng hình ảnh máy CT                                    |
| 15  | Bộ phát tín hiệu mô phỏng          | 32  | Thiết bị kiểm định máy đo điện não                                             |
| 16  | Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ không dây  | 33  | Thiết bị kiểm định máy đo điện tim                                             |
| 17  | Nguồn vật đen chuẩn (-20 ~ 150) °C | 34  | Các thiết bị phụ trợ                                                           |

#### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên          | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|--------------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                    |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Tổng Văn Việt      | 1983     | 0126                   |                    |          | X        |
| 2   | Nguyễn Đức Hiền    | 1984     | 0128                   |                    |          | X        |
| 3   | Vũ Trường Tam      | 1985     | 0127                   |                    |          | X        |
| 4   | Nguyễn Quang Thiện | 1972     | 3816                   | X                  |          |          |
| 5   | Vũ Minh Khải       | 1984     | 0325                   |                    |          | X        |
| 6   | Nguyễn Trọng Huân  | 1996     | 3815                   | X                  |          |          |

## PHÒNG ĐO LƯỜNG DUNG TÍCH VÀ LƯU LƯỢNG

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG DUNG TÍCH VÀ LƯU LƯỢNG

**TÊN TIẾNG ANH:** VOLUME AND FLOW LABORATORY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Kiểm định dụng cụ đo dung tích thông dụng đến 200L.
- Kiểm định, hiệu chuẩn cột đo nhiên liệu xăng dầu
- Kiểm định, hiệu chuẩn bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang đến 100 m<sup>3</sup>
- Kiểm định, hiệu chuẩn bể đong cố định kiểu trụ đứng trên 100 m<sup>3</sup>
- Kiểm định, Hiệu chuẩn thiết bị đo mức xăng dầu tự động lắp trên bể trụ.
- Kiểm định, Hiệu chuẩn, đo thử nghiệm đồng hồ đo nước lạnh cơ khí và đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử đến DN 400
- Hiệu chuẩn dụng cụ thí nghiệm (pipet, buret, bình định mức, cốc đong...).
- Hiệu chuẩn bình chuẩn kim loại đến 10.000 L
- Hiệu chuẩn bình chuẩn thủy tinh đến 2L
- Hiệu chuẩn đồng hồ chuẩn đo nước đến DN 300
- Thử nghiệm phê duyệt mẫu phương tiện đo Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí ( đến DN 400 ) và Đồng hồ đo nước lạnh kiểu điện tử ( đến DN 300 )
- Lập bảng dung tích tàu. xà lan xăng dầu, xitec đường sắt, xitec ô tô
- Đào tạo kiểm định viên lĩnh vực dung tích, lưu lượng.
- Cung cấp, trang bị các chuẩn đo lường dung tích, lưu lượng (bình chuẩn hạng 1, 2; bản kiểm đồng hồ nước lạnh cơ khí, ca đong, bình đong, bình chuẩn kim loại ...).

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                                            | STT | Tên thiết bị            |
|-----|---------------------------------------------------------|-----|-------------------------|
| 1   | Bình chuẩn kim loại ( 2L; 5L; 10L; 50L; 200L) CCX: 0,02 | 6   | Thước cuộn 50 m         |
| 2   | Đồng hồ chuẩn đo nước DN50 CCX                          | 7   | Thước cuộn quả dọi 30 m |
| 3   | Đồng hồ chuẩn đo nước DN100                             | 8   | Máy thiên đỉnh          |
| 4   | Đồng hồ chuẩn đo nước DN200                             | 9   | Máy thủy bình tự động   |
| 5   | Đồng hồ chuẩn đo nước DN250                             | 10  | Thước vạch 500 mm       |

### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Chu Mạnh Quang    | 1979     | 129                    |                    |          | X        |
| 2   | Đặng Bá Vinh      | 1979     | 130                    |                    | X        |          |
| 3   | Nguyễn Văn Phúc   | 1980     | 131                    |                    | X        |          |
| 4   | Phạm Anh Đức      | 1985     | 132                    |                    | X        |          |
| 5   | Nguyễn Việt Quang | 1991     | 4319                   | X                  |          |          |
| 6   | Nguyễn Văn Khoa   | 1999     |                        | X                  |          |          |
| 7   | Đặng Viết Khánh   | 1994     |                        | X                  |          |          |
| 8   | Nguyễn Đức Hoà    | 1984     |                        |                    |          |          |

## PHÒNG ĐO LƯỜNG HÓA LÝ

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG ĐO LƯỜNG HÓA LÝ

**TÊN TIẾNG ANH:** PHYSICOCHEMICAL MEASUREMENT LABORATORY

**MÃ SỐ:** VILAS 216

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- **Kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm các phương tiện đo hóa lý:**
  - + Phương tiện đo các chỉ tiêu của nước, nước thải: pH, thế oxy hóa khử (ORP), độ dẫn điện, điện trở suất, tổng chất rắn hòa tan (TDS), hàm lượng oxy hòa tan (DO), độ màu, hàm lượng iôn (Chlorine,  $\text{NO}_3^-$ ,  $\text{NH}_4^+$ ,  $\text{Na}^+$ ,  $\text{Cu}^{2+}$ ,...), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nhu cầu oxy hóa học (COD), tổng lượng cacbon hữu cơ (TOC),...
  - + Phương tiện đo hàm lượng các khí trong không khí, khí thải:  $\text{CO}_x$ ,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{O}_2$ ,  $\text{CH}_4$ , LEL,  $\text{H}_2\text{S}$ ,...
  - + Phương tiện đo hàm lượng chất tan (ethanol, glycerol, đường, muối,...), tỷ trọng, khối lượng riêng, độ nhớt của dung dịch, hóa chất: Tỷ trọng kế, tỷ trọng kế chuẩn, máy đo khối lượng riêng, nhớt kế mao quản thủy tinh, cốc đo độ nhớt, máy đo độ nhớt động lực, khúc xạ kế, phân cực kế,...
  - + Phương tiện đo độ ẩm của vật liệu, sản phẩm: Hạt nông sản (thóc, gạo, ngô, cà phê, đỗ tương,...); vật liệu rắn, nguyên liệu (bột, bánh kẹo, gỗ, giấy,...);
  - + Phương tiện đo các thành phần trong vật liệu, sản phẩm: Lưu huỳnh, cacbon,...
  - + Máy quang phổ tử ngoại - khả kiến, máy đọc elisa, máy quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy sắc ký khí, máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, máy quang phổ phát xạ nguyên tử.
- **Đào tạo kiểm định viên, hiệu chuẩn viên; tư vấn, hướng dẫn lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn và hiệu chỉnh phương tiện đo.**
  - + Đào tạo kiểm định viên theo qui định hiện hành và qui trình kiểm định hiện hành;
  - + Đào tạo xây dựng qui trình hiệu chuẩn nội bộ phù hợp với hệ thống chuẩn hiện có;
  - + Đào tạo kỹ năng hiệu chuẩn các loại phương tiện đo thuộc đại lượng nhiệt độ, độ ẩm và hóa lý;
  - + Tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng áp dụng cho lĩnh vực đo lường - hiệu chuẩn;
  - + Tư vấn xây dựng Phòng thí nghiệm trong lĩnh vực Đo lường - Hiệu chuẩn.

### DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                                                 | STT | Tên thiết bị                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------|
| 1   | Bể điều nhiệt Tamson                                         | 13  | Micropipet AHN Biotechnologie GmbH                |
| 2   | Bể điều nhiệt Julabo GmbH                                    | 14  | Bình định mức ISOLAB Laborgeräte GmbH             |
| 3   | Bể điều nhiệt LAUDA                                          | 15  | Pipet ISOLAB Laborgeräte GmbH                     |
| 4   | Tủ sấy BINDER GmbH                                           | 16  | Tủ mát Philipp Kirsch GmbH                        |
| 5   | Phương tiện đo khối lượng riêng chuẩn Anton Paar GmbH        | 17  | Máy cất nước 2 lần Hamilton Laboratory Glass Ltd. |
| 6   | Bộ tỷ trọng kế chuẩn Ludwig Schneider GmbH & Co. KG (70 cái) | 18  | Máy đo độ nhớt Walter Herzog GmbH                 |
| 7   | Cân phân tích Mettler-Toledo                                 | 19  | Máy khuấy từ gia nhiệt VELP Scientifica Srl       |
| 8   | Tấm chuẩn Elisa Starna Scientific Ltd                        | 20  | Thiết bị phản ứng COD Hach Company                |
| 9   | Bộ chuẩn bước sóng và độ hấp thụ Starna Scientific Ltd       | 21  | Bộ làm lạnh tuần hoàn JULABO GmbH                 |
| 10  | Đồng hồ bấm giây Casio Computer Co., Ltd.                    | 22  | Lưu lượng kế đo khí Teledyne Hastings Instruments |

| STT | Tên thiết bị                  | STT | Tên thiết bị                             |
|-----|-------------------------------|-----|------------------------------------------|
| 11  | Buret ISOLAB Laborgeräte GmbH | 23  | Các trang thiết bị, máy móc phụ trợ khác |
| 12  | Micropipet Nichiryo Co., Ltd  | 24  | Thuốc vạch Deli                          |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên         | Năm sinh | Số hiệu kiểm định viên | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-------------------|----------|------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   |          |                        | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Duy Thảo   | 1978     | 0125                   |                    |          | X        |
| 2   | Lê Danh Huy       | 1984     | 0321                   |                    |          | X        |
| 3   | Trần Văn Dương    | 1986     | 0705                   |                    | X        |          |
| 4   | Nguyễn Mạnh Cường | 1992     | 3775                   |                    | X        |          |
| 5   | Nguyễn Ngọc Vinh  | 1999     | 5507                   | X                  |          |          |

## PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**TÊN TIẾNG ANH:** MECHANICAL AND CONSTRUCTION TESTING LABORATORY

**ĐỊA ĐIỂM PTN:**

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội

**MÃ SỐ:** VILAS 028

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:**

- Thử nghiệm cơ tính vật liệu: Kéo, Uốn, Nén, Độ cứng, Độ dai va đập...
- Phân tích thành phần hóa học của kim loại và hợp kim (Bao gồm cả vàng và hợp kim vàng).
- Khảo sát tổ chức tế vi (micro), tổ chức thô đại (macro) của kim loại và hợp kim, mối hàn kim loại.
- Thử nghiệm chuyên dùng cho các sản phẩm và chi tiết như: Thử tải, xác định cấp bền Bu lông - đai ốc, thử độ bền cho xích, tời, dây cáp...
- Thử nghiệm áp lực ống kim loại, Sen vòi, phụ kiện chịu áp lực...
- Thử nghiệm chất lượng lớp phủ: Chiều dày lớp phủ, Độ bền bám lớp phủ, Thành phần lớp phủ (bao gồm cả lớp phủ vàng trên bề mặt trang sức mỹ nghệ)...
- Thử nghiệm các sản phẩm về Vật liệu xây dựng: Cốt liệu cho vữa - bê tông, Xi măng, Phụ gia khoáng cho Xi măng - Bê tông, Tấm trần thạch cao, Tấm sợi khoáng, Bê tông, Gạch xây, Gạch - đá ốp lát, Sứ vệ sinh, Cửa nhựa lõi thép....
- Thử nghiệm môi trường cho các sản phẩm, chi tiết, linh kiện sử dụng trong các điều kiện môi trường hóa chất, môi trường biển, nóng ẩm, và các môi trường khắc nghiệt khác.
- Đào tạo thử nghiệm viên theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.
- Tham gia nghiệm cứu khoa học xây dựng phương pháp thử nghiệm, phương pháp đánh giá chất lượng sản phẩm hàng hóa.

**DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                    | STT | Tên thiết bị                                       |
|-----|---------------------------------|-----|----------------------------------------------------|
| 1   | Máy thử đa năng (kéo, nén, uốn) | 20  | Thiết bị đo chuyển vị                              |
| 2   | Áp kế lò xo                     | 21  | Thiết bị đo độ cứng cầm tay                        |
| 3   | Cân kỹ thuật                    | 22  | Thiết bị đo độ cứng đa năng                        |
| 4   | Đồng hồ so                      | 23  | Thiết bị đo nhiệt độ-độ ẩm                         |
| 5   | Dụng cụ xác định độ bền lớp sơn | 24  | Thiết bị hút chân không và hệ thống hút chân không |
| 6   | Kính hiển vi điện tử            | 25  | Thiết bị huỳnh quang tia X                         |
| 7   | Lò nung                         | 26  | Thiết bị thử nghiệm khả năng lọc bụi khẩu trang    |
| 8   | Lực kế                          | 27  | Thiết bị xác định chiều dày lớp sơn                |
| 9   | Máy đo chiều dày lớp phủ        | 28  | Thiết bị xác định độ bền mài mòn bề mặt            |
| 10  | Máy nén bê tông                 | 29  | Thiết bị xác định độ bền mài mòn sâu               |
| 11  | Máy phân tích quang phổ         | 30  | Thiết bị xác định độ bền va đập                    |
| 12  | Máy thử độ cứng                 | 31  | Thiết bị xác định độ bóng                          |
| 13  | Máy thử độ dai va đập           | 32  | Thiết bị xác định độ cứng màng sơn                 |
| 14  | Máy thử vạn năng                | 33  | Thước cặp cơ                                       |
| 15  | Nồi hấp                         | 34  | Thước cặp hiện số                                  |
| 16  | Panme đo ngoài                  | 35  | Thước dây                                          |

| STT | Tên thiết bị                                                | STT | Tên thiết bị |
|-----|-------------------------------------------------------------|-----|--------------|
| 17  | Panme hiện số                                               | 36  | Thước đo góc |
| 18  | Thiết bị xác định cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy | 37  | Tủ lạnh sâu  |
| 19  | Thiết bị đo chiều dày                                       | 38  | Tủ sấy       |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên         | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn                                                   | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   |                 |                                                                       | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Văn Minh   | Trưởng phòng    | Thạc sỹ kỹ thuật cơ khí                                               |                    |          | X        |
| 2   | Lê Thanh Tâm      | Thử nghiệm viên | Thạc sỹ kỹ thuật cơ khí                                               |                    |          | X        |
| 3   | Nguyễn Cảnh Quang | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                       |                    |          | X        |
| 4   | Đặng Thành Lê     | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Kỹ thuật xe máy quân sự, công binh                            |                    | X        |          |
| 5   | Nguyễn Văn Toại   | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Vật liệu xây dựng<br>Thạc sỹ kỹ thuật cơ khí | X                  |          |          |
| 6   | Phạm Xuân Hải     | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Cơ khí chính xác và quang học                                   | X                  |          |          |
| 7   | Cao Đức Toàn      | Thử nghiệm viên | Kỹ sư kỹ thuật cơ khí                                                 | X                  |          |          |

**PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG**  
**TÊN TIẾNG VIỆT: PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG**  
**TÊN TIẾNG ANH: ELECTRIC, ELECTRONIC AND ENERGY EFFICIENCY TESTING**  
**LABORATORY**

**ĐỊA ĐIỂM PTN:**

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội

**MÃ SỐ: VILAS 028**

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:**

Phòng thử nghiệm Điện – Điện tử và Hiệu suất năng lượng có đầy đủ năng lực về con người cũng như trang thiết bị để triển khai và tiến hành các hoạt động thử nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực như:

**- Thử nghiệm hiệu suất năng lượng.**

- ✓ Nhóm thiết bị gia dụng: Bóng đèn huỳnh quang Compact, Balát điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang, Balát điện tử dùng cho bóng đèn huỳnh quang ống thẳng, Quạt điện, Tủ lạnh, tủ kết đông lạnh, Máy giặt gia dụng, Máy thu hình, Nồi cơm điện, Bình đun nước nóng có dự trữ, Đèn LED, Tủ giữ lạnh thương mại;
- ✓ Nhóm thiết bị văn phòng và thương mại: Màn hình máy tính, Máy in, Máy photocopy, Máy tính xách tay;
- ✓ Nhóm thiết bị công nghiệp: Động cơ điện không đồng bộ ba pha roto lồng sóc, Máy biến áp phân phối.

**- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện, điện tử gia dụng.**

- ✓ Thiết bị dùng trong gia đình: Bàn là điện, Thiết bị đun nóng chất lỏng (Nồi cơm điện, Ấm điện, Nồi áp suất điện, Máy pha cà phê...), Lò nướng điện (Lò nướng điện di động, Thiết bị nướng bánh mì, Nồi chiên không dầu, Vi nướng điện, Bếp điện...), Bình đun nước nóng có dự trữ (Bình nóng lạnh, Máy lọc nước có chức năng làm nóng nước), Thiết bị dùng để chăm sóc da và tóc (Máy sấy tóc, Máy sấy khô tay, Máy xông hơi vùng mặt, Thiết bị tạo nếp tóc...), Lò vi sóng, Bình đun nước nóng nhanh, Que đun điện, Quạt điện, Máy giặt, Máy hút bụi, Máy xay, Bơm nước dùng trong gia đình, Tủ lạnh, Điều hòa không khí;
- ✓ Thiết bị văn phòng: Máy tính (Máy tính để bàn, Máy tính xách tay), Máy in, Máy photocopy;
- ✓ Thiết bị nghe, nhìn: Máy thu hình, Loa, Máy phát nhạc;
- ✓ Dụng cụ điện cầm tay: Máy mài, Máy cưa đĩa, Khoan.

**- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm điện công nghiệp.**

- ✓ Dùng cho lưới điện hạ thế: Dây cáp điện, Máy biến áp, Thiết bị đóng cắt, Ổ cắm, Phích cắm, Aptomat, Tủ bảng điện, Ống luồn dây điện, Thang máng cáp, Phụ kiện đường dây, Đồ bảo hộ lao động;
- ✓ Dùng cho lưới điện trung thế, cao thế: Cáp điện lực, Máy biến áp điện lực, Tủ điện, Cầu dao, Cầu chì, Máy cắt, Thiết bị chống sét, Chuỗi cách điện, Sào cách điện, Đồ bảo hộ lao động.

**- Thử nghiệm an toàn, tính năng cho các sản phẩm chiếu sáng.**

- ✓ Đèn đường phố, Đèn giao thông;
- ✓ Đèn LED, Màn hình LED (Quảng cáo, Trang trí, Thông tin...);
- ✓ Đèn huỳnh quang, Balat điện tử, Balat sắt từ, Bộ điều khiển đèn;
- ✓ Đèn sân khấu - trình diễn nghệ thuật;
- ✓ Đèn chiếu sáng công trình xây dựng: Sân vận động, lớp học, quảng trường, cầu - hầm;

- **Thử nghiệm, đánh giá an toàn đối với hệ thống lắp đặt điện.**
  - ✓ Hệ thống điện tòa nhà;
  - ✓ Hệ thống điện năng lượng mặt trời.
- **Thử nghiệm an toàn cơ bản đối với thiết bị điện y tế, hệ thống điện y tế.**
  - ✓ Máy thở, máy hút dịch;
  - ✓ Giường bệnh (dùng điện).
- **Thử nghiệm tương thích điện từ (EMC).**
  - ✓ Các thiết bị điện và điện tử gia dụng: Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời, Máy khoan cầm tay hoạt động bằng động cơ điện, Máy hút bụi, Máy giặt, Tủ lạnh-tủ đá, Điều hòa nhiệt độ, Bóng đèn có balat lắp liền, Máy sấy tóc, Máy xay sinh tố, Máy xay thịt, Máy ép trái cây, Máy đánh trứng, Lò vi sóng, Bếp điện;
  - ✓ Các sản phẩm chiếu sáng sử dụng công nghệ LED.
- **Thử nghiệm cao áp.**
  - ✓ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp: đến 250kV;
  - ✓ Thử nghiệm xung (dạng 1,2/50μs): đến 600kV.
- **Thử nghiệm môi trường.**
  - ✓ Thử nghiệm mô phỏng các điều kiện khí hậu như: Thử nghiệm nóng khô, Thử nghiệm nóng ẩm, Thử nghiệm lạnh, Thử nghiệm sương muối.
  - ✓ Thử nghiệm va đập, Thử nghiệm rung;
  - ✓ Đo độ ồn, Đo các thông số về rung động, Vận tốc, Gia tốc;
  - ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại nước xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IPX1 ~ IPX8);
  - ✓ Thử nghiệm, đánh giá khả năng chống lại vật rắn xâm nhập đối với vỏ bảo vệ (Cấp bảo vệ: IP1X ~ IP6X).
- **Thử nghiệm cháy.**
  - ✓ Thử nghiệm nén viên bi;
  - ✓ Thử nghiệm cháy bằng sợi dây nóng đỏ;
  - ✓ Thử nghiệm ngọn lửa hình kim;
  - ✓ Thử nghiệm cháy đứng, cháy ngang.
- **Thử nghiệm phục vụ phê duyệt mẫu phương tiện đo.**
  - ✓ Thử nghiệm máy biến đổi đo lường (Máy biến dòng, Máy biến điện áp kiểu cảm ứng);
  - ✓ Thử nghiệm Công tơ điện;
  - ✓ Thử nghiệm Bộ chỉ thị xăng dầu;
  - ✓ Thử nghiệm Taximet;
  - ✓ Thử nghiệm Cân điện tử.
- **Các thử nghiệm khác.**
  - ✓ Thử nghiệm vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện;
  - ✓ Thử nghiệm chất lượng điện năng tại điểm đầu nối của các hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái;
  - ✓ Thử nghiệm cáp dùng cho hệ thống điện năng lượng mặt trời;
  - ✓ Thử nghiệm cáp thông tin;
  - ✓ Đo suy hao cáp quang;
  - ✓ Thử nghiệm thiết bị giám sát hành trình;

✓ Thử nghiệm ắc quy dùng cho ô tô, xe máy.

**- Về lĩnh vực hợp tác**

Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất Năng lượng trực thuộc Trung tâm kỹ thuật 1 đã có mối quan hệ hợp tác rất chặt chẽ với Bộ Công thương từ những ngày đầu triển khai Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Một số hoạt động cụ thể như:

Tham gia cùng Bộ Công thương, Viện tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam trong việc xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia về hiệu suất năng lượng.

Tham gia cùng Bộ Công thương trong các đoàn đánh giá các phòng thử nghiệm Hiệu suất năng lượng trong nước, ngoài nước dưới vai trò chuyên gia kỹ thuật.

Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng hiện đang tham gia chương trình thừa nhận lẫn nhau của ASEAN đối với các thiết bị Điện, Điện tử (ASEAN EE MRA). Năng lực thử nghiệm của phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng đã đáp ứng được các yêu cầu trong thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của ASEAN tại các nước: Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao PDR, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand.

Bên cạnh đó, Phòng thử nghiệm Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng cũng nằm trong mạng lưới các phòng thử nghiệm được công bố chính thức trên trang thông tin điện tử của UNIDO (Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc).

**DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                           | STT | Tên thiết bị                                                             |
|-----|----------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ampe kìm hiện số                       | 118 | Dụng cụ thử uốn 180°                                                     |
| 2   | Thiết bị thử cao áp                    | 119 | Buồng thử nghiệm môi trường (Nóng khô, đối lưu)                          |
| 3   | Thiết bị đo cao áp                     | 120 | Bộ dụng cụ thử uốn ở nhiệt độ thấp                                       |
| 4   | Thiết bị đo vẩn năng RLC               | 121 | Thiết bị đo độ giãn dài (Hệ thống thử giãn dài ở nhiệt độ thấp)          |
| 5   | Máy đo rung / Đầu đo rung              | 122 | Buồng thử nghiệm môi trường lạnh (Hệ thống thử giãn dài ở nhiệt độ thấp) |
| 6   | Thiết bị đo độ ồn                      | 123 | Dụng cụ thử va đập ở nhiệt độ thấp, búa, cao xu xóp                      |
| 7   | Máy nén khí                            | 124 | Thiết bị thử ổn định nhiệt                                               |
| 8   | Cầu đo điện trở thấp                   | 125 | Nguồn lập trình AC/DC (No.5)                                             |
| 9   | Ampe kìm hiện số                       | 126 | Đồng hồ đo thông số điện                                                 |
| 10  | Đồng hồ đo thông số điện               | 127 | Nguồn điện xoay chiều tần số cao (Thử nghiệm bóng đèn huỳnh quang)       |
| 11  | Buồng thử sương muối                   | 128 | Bộ phân tích ballast điện tử                                             |
| 12  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nóng khô) | 129 | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị văn phòng)                    |
| 13  | Micrometer hiện số                     | 130 | Máy kiểm tra kẹp kỹ thuật số                                             |
| 14  | Máy thử độ bền kéo, nén                | 131 | Thiết bị đo điện trở cách điện                                           |
| 15  | Hệ thống thử nghiệm xung đến 600kV     | 132 | Thiết bị thử phóng tĩnh điện                                             |

| STT | Tên thiết bị                                                                 | STT | Tên thiết bị                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------|
| 16  | Hệ thống thử nghiệm cao áp đến 250kV                                         | 133 | Thiết bị mô phỏng (Surge, Burst, DIPS, Magnetic)                  |
| 17  | Bộ phát xung chuẩn (Hệ thống phân tích phóng điện cục bộ)                    | 134 | Thiết bị thử miễn nhiễm gây ra bởi trường điện từ tần số vô tuyến |
| 18  | Cầu đo điện dung và Tan δ                                                    | 135 | Thử nghiệm miễn nhiễm với sóng dao động tắt dần                   |
| 19  | Bể ôn nhiệt dùng cho thử nghiệm Dây & cáp điện                               | 136 | Cầu đo điện trở                                                   |
| 20  | Thiết bị thử lực bám dính của cáp vặn xoắn                                   | 137 | Phong tốc kế                                                      |
| 21  | Dụng cụ thử bẻ gấp dây                                                       | 138 | Thiết bị đo điều kiện môi trường đa chức năng                     |
| 22  | Buồng thử bụi cấp IP5X, IP6X                                                 | 139 | Thước vạch 1000mm                                                 |
| 23  | Dụng cụ thử cấp bảo vệ IPX3, IPX4                                            | 140 | Thước vạch 500mm                                                  |
| 24  | Vòi phun IP X3, X4                                                           | 141 | Thước vạch 300mm                                                  |
| 25  | Vòi phun IP X5, X6                                                           | 142 | Ke vuông 50cm - 25cm                                              |
| 26  | Hộp nhỏ giọt IP X1, X2                                                       | 143 | Ke vuông 15cm - 10cm                                              |
| 27  | Búa thử va đập                                                               | 144 | Thước rút 400mm - 650mm                                           |
| 28  | Thiết bị đo và điều khiển nhiệt độ (Bộ thử nghiệm cháy bằng sợi dây nóng đỏ) | 145 | Bóng đèn chuẩn                                                    |
| 29  | Đầu dò thử nghiệm hình ngón tay cứng                                         | 146 | Bóng đèn chuẩn                                                    |
| 30  | Đầu dò thử nghiệm hình ngón tay khớp                                         | 147 | Thiết bị đo nhiệt độ (Hệ thống thử HSNL tủ lạnh)                  |
| 31  | Đầu dò cứng                                                                  | 148 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống thử nghiệm tủ lạnh) - No.1        |
| 32  | Đầu dò thử nghiệm hình quả cầu                                               | 149 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống thử nghiệm tủ lạnh) - No.2        |
| 33  | Đầu dò thử nghiệm hình dây                                                   | 150 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống thử nghiệm tủ lạnh) - No.3        |
| 34  | Đầu dò thử chạm                                                              | 151 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống thử nghiệm tủ lạnh) - No.4        |
| 35  | Đầu dò ngắn thử chạm                                                         | 152 | Nguồn AC (Hệ thống thử HSNL tủ lạnh) - No.1                       |
| 36  | Đầu dò thử nghiệm hình ngón tay có móc kéo                                   | 153 | Nguồn AC (Hệ thống thử HSNL tủ lạnh) - No.2                       |
| 37  | Dụng cụ thử nén bằng viên bi                                                 | 154 | Nguồn AC (Hệ thống thử HSNL tủ lạnh) - No.3                       |
| 38  | Thiết bị đo lực hiện số                                                      | 155 | Nguồn AC (Hệ thống thử HSNL tủ lạnh) - No.4                       |
| 39  | Thiết bị thử cao áp                                                          | 156 | Lúp soi đường kính vết lõm                                        |
| 40  | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị 3 pha)                            | 157 | Gói thử M dùng cho thử nghiệm tủ lạnh                             |

| STT | Tên thiết bị                                          | STT | Tên thiết bị                                                                       |
|-----|-------------------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------|
| 41  | Thiết bị hiệu chuẩn                                   | 158 | Thước đo khoảng cách bằng tia laser                                                |
| 42  | Thiết bị thử xung theo iec60065                       | 159 | Thước đo khoảng cách bằng tia laser                                                |
| 43  | Đầu thử va đập kiểu con lắc                           | 160 | Bộ dụng cụ đo tổn hao sắt từ, mật độ từ thông                                      |
| 44  | Dụng cụ kiểm tra chiều dài đường rò, khe hở không khí | 161 | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị công nghệ thông tin)                    |
| 45  | Thiết bị nén cho cách điện                            | 162 | Cân điện tử                                                                        |
| 46  | Thiết bị thử kéo và đẩy                               | 163 | Thiết bị đo mô men đến 50Nm (Hệ thống thử nghiệm động cơ)                          |
| 47  | Thiết bị thử khả năng chịu xoắn của dây nối nguồn     | 164 | Thiết bị đo mô men đến 500Nm (Hệ thống thử nghiệm động cơ)                         |
| 48  | Bộ chỉ thị để thử chống chạm tới phần mang điện       | 165 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống thử nghiệm động cơ)                                |
| 49  | Thiết bị thử lực kéo của dây nối nguồn                | 166 | Máy thu đo tín hiệu nhiễu                                                          |
| 50  | Thước cặp hiện số                                     | 167 | Máy thu đo tín hiệu nhiễu điện từ và mô đun mở rộng                                |
| 51  | Thước cặp hiện số                                     | 168 | Mạng nguồn giả                                                                     |
| 52  | Dụng cụ thử thao tác Đóng - Ngắt cho CB               | 169 | Đầu dò điện áp trở kháng cao                                                       |
| 53  | Dụng cụ thử thao tác Cắm - Rút cho phích cắm, ổ cắm   | 170 | Bộ đo nhiễu không liên tục                                                         |
| 54  | Dụng cụ thử thao tác Đóng - Ngắt cho công tắc         | 171 | Kẹp hấp thụ                                                                        |
| 55  | Dụng cụ thử rơi cho bàn là                            | 172 | Ăng ten vòng                                                                       |
| 56  | Cân điện tử                                           | 173 | Mạch tách/ghép                                                                     |
| 57  | Thiết bị thử xung điện áp                             | 174 | Quang kế góc (Phân tích phổ)                                                       |
| 58  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nhiệt, ẩm)               | 175 | Thiết bị đo công suất (Hệ thống quang kế góc)                                      |
| 59  | Thiết bị đo công suất (Hệ thống phân tích nguồn sáng) | 176 | Nguồn chuẩn AC (Hệ thống quang kế góc)                                             |
| 60  | Ba lát dùng cho hệ thống thử chiếu sáng               | 177 | Tải máy giặt                                                                       |
| 61  | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị 3 pha)     | 178 | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị gia dụng)                               |
| 62  | Thiết bị đo công suất (Thử nghiệm thiết bị 1 pha)     | 179 | Micrometer hiện số                                                                 |
| 63  | Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 12 kênh               | 180 | Thiết bị phân tích chất lượng điện năng                                            |
| 64  | Máy hàn dây nhiệt đo điện trở                         | 181 | Thiết bị đo nhiệt độ                                                               |
| 65  | Thiết bị đo dòng điện rò và điện trở nối đất          | 182 | Đồng hồ đo dung tích, lưu lượng (Hệ thống thử nghiệm bình đun nước nóng có dự trữ) |

| STT | Tên thiết bị                                                                 | STT | Tên thiết bị                                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------|
| 66  | Máy hiện sóng                                                                | 183 | Bộ thiết bị thu đo nhiễu điện từ trường (1 kênh Click)             |
| 67  | Bộ điều chỉnh áp lực khí dùng cho thử nghiệm cháy                            | 184 | Mạng nguồn giả V một pha                                           |
| 68  | Bộ nguồn, tải điện trở, tải điện cảm (Thử nghiệm cho thiết bị đóng cắt)      | 185 | Bộ nguồn nhiễu điện từ chuẩn                                       |
| 69  | Thiết bị tạo rung động                                                       | 186 | Bộ lọc nhiễu cao tần                                               |
| 70  | Máy bào mẫu                                                                  | 187 | Thiết bị kiểm tra an toàn điện năng                                |
| 71  | Dụng cụ đo mức rò vi sóng                                                    | 188 | Thiết bị kiểm soát nhiệt độ (Hệ thống thử nghiệm hàm lượng carbon) |
| 72  | Nguồn điện xoay chiều tần số cao                                             | 189 | Thước vạch 150mm                                                   |
| 73  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nóng khô, chân không)                           | 190 | Thước vạch 150mm                                                   |
| 74  | Chân không kế (Dùng cho buồng thử lão hóa nhiệt trong môi trường chân không) | 191 | Thiết bị đo tốc độ                                                 |
| 75  | Máy phóng hình                                                               | 192 | Thiết bị đo dòng điện rò                                           |
| 76  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nóng khô)                                       | 193 | Thước vạch 150mm                                                   |
| 77  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nhiệt, ẩm)                                      | 194 | Thước cặp                                                          |
| 78  | Cầu đo điện trở                                                              | 195 | Thước cuộn                                                         |
| 79  | Cầu đo điện trở cuộn dây                                                     | 196 | Thước cuộn                                                         |
| 80  | Bộ tạo xung dòng                                                             | 197 | Thiết bị đo và phân tích hệ thống pin năng lượng mặt trời          |
| 81  | Dụng cụ thử độ dẫn dài dưới lạnh                                             | 198 | Thước cặp hiện số                                                  |
| 82  | Buồng thử nghiệm môi trường (Nóng khô, lạnh)                                 | 199 | Thiết bị đo cách điện cho dây cáp                                  |
| 83  | Dụng cụ đo cường độ điện trường, từ trường                                   | 200 | Thước vạch (Đo chu vi, đường kính)                                 |
| 84  | Thiết bị đo suy hao cáp quang                                                | 201 | Bộ thu đo nhiễu điện từ trường mở rộng                             |
| 85  | Biến dòng đo lường (No.1)                                                    | 202 | Bộ thu đo nhiễu điện từ trường mở rộng                             |
| 86  | Biến dòng đo lường (No.2)                                                    | 203 | Bộ ăng ten đo nhiễu dải thấp tần                                   |
| 87  | Biến dòng đo lường (No.3)                                                    | 204 | Bộ ăng ten đo nhiễu dải cao tần                                    |
| 88  | Biến áp đo lường (No.1)                                                      | 205 | Bộ tiền khuếch đại                                                 |
| 89  | Biến áp đo lường (No.2)                                                      | 206 | Bộ tiền khuếch đại                                                 |
| 90  | Biến áp đo lường (No.3)                                                      | 207 | Bộ phụ kiện thiết bị tiền khuếch đại                               |
| 91  | Buồng thử nghiệm quạt điện dùng cho vùng khí hậu nhiệt đới                   | 208 | Buồng bán hấp thụ SAC 3m                                           |

| STT | Tên thiết bị                                                    | STT | Tên thiết bị                                                                                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 92  | Bình dùng cho thử nghiệm bếp điện                               | 209 | Buồng chắn nhiễu                                                                                                        |
| 93  | Bình dùng cho thử nghiệm bếp điện cảm ứng                       | 210 | Thiết bị tách ghép (CDN) 3 pha                                                                                          |
| 94  | Bình 1,8kg dùng để thử nghiệm độ bền cơ cho bề mặt của bếp điện | 211 | Thiết bị thử nghiệm miễn nhiễm với sóng dao động tắt dần                                                                |
| 95  | Quả cầu gỗ sơn đen dùng cho thử máy sấy tóc                     | 212 | Thiết bị tách ghép 3 pha                                                                                                |
| 96  | Khung kim loại dùng cho thử máy sấy tóc                         | 213 | Mô đun phát tín hiệu (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                        |
| 97  | Dụng cụ thử độ bền cơ cho cửa lò vi sóng                        | 214 | Mô đun đo công suất (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                         |
| 98  | Thiết bị thử cao áp                                             | 215 | Mô đun chuyển mạch cao tần (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                  |
| 99  | Thiết bị đo nhiệt độ (Buồng thử cháy đứng, cháy ngang)          | 216 | Bộ khuếch đại tín hiệu cao tần (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                              |
| 100 | Dụng cụ thử rơi tự do                                           | 217 | Ăngten loga tuần hoàn (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                       |
| 101 | Nguồn lập trình AC/DC (No.1)                                    | 218 | Máy phát trường (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                             |
| 102 | Nguồn lập trình AC/DC (No.2)                                    | 219 | Tháp ăngten (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                                 |
| 103 | Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 20 kênh (No.1)                  | 220 | Đầu dò trường (Hệ thống thử miễn nhiễm với nhiễu phát xạ tần số vô tuyến)                                               |
| 104 | Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 20 kênh (No.2)                  | 221 | Mạng nguồn giả V một pha (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng)            |
| 105 | Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 20 kênh (No.3)                  | 222 | Máy đo nhiễu điện từ trường (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng)         |
| 106 | Thiết bị ghi dữ liệu nhiệt độ - 20 kênh (No.4)                  | 223 | Kẹp hấp thụ (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng)                         |
| 107 | Dụng cụ thử chống mài mòn cho chân phích cắm                    | 224 | Bộ phát nhiễu dải tần thấp (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng)          |
| 108 | Đầu dò thử chạm                                                 | 225 | Bộ phát nhiễu dải tần số trung bình (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng) |

| STT | Tên thiết bị                                    | STT | Tên thiết bị                                                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 109 | Đầu đo nhiệt độ bề mặt                          | 226 | Bộ phát nhiễu dải tần số cao (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng) |
| 110 | Đầu dò thử nghiệm 18 của IEC 61032              | 227 | Bộ suy hao điều chỉnh (Hệ thống đo thu nhiễu điện từ trường cho thiết bị dân dụng và thiết bị chiếu sáng)        |
| 111 | Đầu đo điện áp cao 50kV                         | 228 | Mạch tách/ghép                                                                                                   |
| 112 | Dụng cụ đo độ rò vi sóng                        | 229 | Mạch tách/ghép                                                                                                   |
| 113 | Thiết bị thử mô men xoắn cho đui đèn            | 230 | Máy đo quang phổ (Hệ thống thử an toàn quang sinh học)                                                           |
| 114 | Dụng cụ đo góc lệch đui đèn khi thử mô men xoắn | 231 | Tải điện từ DC                                                                                                   |
| 115 | Bộ dưỡng E27 theo IEC 60061-1 và IEC 60061-3    | 232 | Quả cầu tích phân (Hệ thống thử an toàn quang sinh học)                                                          |
| 116 | Bộ dưỡng G13 theo IEC 60061-1 và IEC 60061-3    | 233 | Bộ nổi tiêu chuẩn                                                                                                |
| 117 | Nguồn tần số cao (Thử nghiệm lò vi sóng)        | 234 | Thiết bị đo đa chức năng (Bức xạ mặt trời, góc nghiêng, nhiệt độ môi trường)                                     |

#### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên         | Chức vụ          | Năng lực chuyên môn                  | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-------------------|------------------|--------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                   |                  |                                      | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Anh Tùng   | Phó trưởng phòng | Thạc sỹ Kỹ thuật tự động hóa         |                    |          | X        |
| 2   | Bùi Anh Tuấn (A)  | Thử nghiệm viên  | Thạc sỹ Tự động hóa                  |                    |          | X        |
| 3   | Bùi Anh Tuấn (B)  | Thử nghiệm viên  | Thạc sỹ công nghệ điện tử viễn thông |                    | X        |          |
| 4   | Nguyễn Ngọc Sơn   | Thử nghiệm viên  | Kỹ sư Điện tử Viễn thông             |                    | X        |          |
| 5   | Nguyễn Tiến Hùng  | Thử nghiệm viên  | Kỹ sư Điện Điều khiển tự động        |                    | X        |          |
| 6   | Vũ Hữu Trung      | Thử nghiệm viên  | Thạc sỹ Kỹ thuật Điện tử             |                    | X        |          |
| 7   | Hoàng Quốc Dũng   | Thử nghiệm viên  | Thạc sỹ Kỹ thuật Điện tử             |                    | X        |          |
| 8   | Phùng Thế Duy     | Thử nghiệm viên  | Kỹ sư Kỹ thuật Điện - Điện tử        |                    | X        |          |
| 9   | Nguyễn Cảnh Dương | Thử nghiệm viên  | Học viện Kỹ thuật Quân sự            | X                  |          |          |
| 10  | Trần Việt Dũng    | Thử nghiệm viên  | Kỹ sư Điện công nghiệp và dân dụng   | X                  |          |          |
| 11  | Kim Ngọc Tùng     | Thử nghiệm viên  | Kỹ sư Kỹ thuật Điện                  | X                  |          |          |

# PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG

**TÊN TIẾNG ANH:** CONSUMER PRODUCTS TESTING LABORATORY

**ĐỊA ĐIỂM PTN:**

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội

**MÃ SỐ:** VILAS 028

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:**

Thử nghiệm các sản phẩm, hàng hóa

- Dệt - May mặc: Thành phần nguyên liệu; Độ bền kéo đứt; Độ săn của sợi; Chi số sợi; Độ vón gút; Độ thoáng khí; Độ truyền nhiệt; Độ bền mài mòn; Độ bền màu dưới tác dụng của ánh sáng nhân tạo đèn thủy ngân cao áp; Độ bền màu giặt, nước, ma sát, mồ hôi; Độ thay đổi kích thước sau khi giặt; Độ thấm nước dưới áp suất; PH của dung dịch chiết...
- Da: Hàm lượng chất béo; Hàm lượng  $Cr_2O_3$ ; Độ ẩm; Độ bền kéo; Độ bền xé...
- Giấy (Giấy viết, giấy in, giấy vệ sinh, khăn giấy), bì thông dụng và cactông sóng: Độ ẩm; Độ kháng xé; Độ thấm nước; PH của dung dịch chiết từ giấy; Độ bụi; Độ bền kéo; Độ cứng của lớp cactông; Độ trắng; Độ thấu khí; Độ nén sập của hộp cactông...
- Cao su chất dẻo: Các loại sản phẩm tiêu dùng bằng cao su (săm lốp xe đạp, xe máy, ô tô, găng tay, giày dép, gioăng, đệm tà vẹt) và bằng nhựa (ống nước, PVC, PPR, PE, bao bì PVC, PE...): Thử kéo đứt; Độ bền đứt mỗi nối sấm; Độ cứng Shore; Thử mài mòn Akron, EPGi; Độ trương nở cao su; Độ bền va đập charpy, Izod; Tỷ trọng; Độ chịu áp lực của ống; Thử lão hóa...
- Sơn (Sơn tường, Sơn ankyl, Sơn 2 thành phần), Keo, Vecni: Độ nhớt; Hàm lượng chất không bay hơi; Độ mịn; Độ bền kiềm, nước; Độ phủ; Độ bền uốn Độ bền va đập; Độ cứng; Độ bám dính...
- Mũ bảo hiểm: Độ bền va đập và hấp thụ xung động; Độ bền đâm xuyên; Độ bền quai đeo; Độ ổn định của mũ; Độ truyền sáng của kính; Đo góc nhìn
- An toàn đồ chơi trẻ em

**DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                    | STT | Tên thiết bị                 |
|-----|---------------------------------|-----|------------------------------|
| 1   | Máy đo độ bền màu ma sát        | 20  | Máy thử mài mòn              |
| 2   | Loadcell gá thử kéo             | 21  | Máy thử va đập               |
| 3   | Cân bán phân tích               | 22  | Máy thử Vicat                |
| 4   | Cân điện tử                     | 23  | Nhiệt ẩm kế                  |
| 5   | Cân kỹ thuật                    | 24  | Thiết bị đếm mật độ sợi      |
| 6   | Chân không kế                   | 25  | Thiết bị đo độ cứng          |
| 7   | Hệ thống thử áp suất thủy       | 26  | Thiết bị đo độ dày           |
| 8   | Máy đo độ bụi                   | 27  | Thiết bị đo độ dày màng mỏng |
| 9   | Máy đo độ uốn gấp               | 28  | Thiết bị thử Momen xoắn      |
| 10  | Máy đo pH                       | 29  | Thiết bị thử quai đeo MBH    |
| 11  | Máy đo tỉ trọng                 | 30  | Thiết bị thử sắc cạnh        |
| 12  | Máy thử cường                   | 31  | Thiết bị thử uốn             |
| 13  | Máy thử độ bền kéo              | 32  | Thước cặp hiện số            |
| 14  | Máy thử độ bền màu giặt cho vải | 33  | Thước cuộn                   |
| 15  | Máy thử độ bền nén              | 34  | Thước đo góc nhìn MBH        |

| STT | Tên thiết bị               | STT | Tên thiết bị                |
|-----|----------------------------|-----|-----------------------------|
| 16  | Máy thử đo độ cứng Shore A | 35  | Thước đo kích thước ống lớn |
| 17  | Máy thử kéo                | 36  | Thước đo kích thước ống nhỏ |
| 18  | Tủ sấy                     | 37  | Tủ lão hóa                  |
| 19  | Tủ tuần hóa mẫu            |     |                             |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên            | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn                         | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|----------------------|-----------------|---------------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                      |                 |                                             | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Phạm Thúy Hằng       | Trưởng phòng    | Thạc sĩ kỹ thuật                            |                    |          | X        |
| 2   | Lại Minh Hải         | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ Vật liệu Polyme và Compozit |                    |          | X        |
| 3   | Lương Thị Thanh Thủy | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit |                    |          | X        |
| 4   | Đặng Thái Mai Oanh   | Thử nghiệm viên | Cử nhân hóa                                 |                    |          | X        |
| 5   | Nguyễn Văn Quân      | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ vật liệu Polyme và Compozit |                    | X        |          |
| 6   | Nguyễn Thị Huệ       | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ công nghệ hóa học                   | X                  |          |          |
| 7   | Lê Đức Anh           | Thử nghiệm viên |                                             |                    |          |          |

# PHÒNG THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM

**TÊN TIẾNG ANH:** FOOD TESTING LABORATORY

**ĐỊA ĐIỂM PTN:** Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

**MÃ SỐ:** VILAS 028

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

### ✓ Thử nghiệm chất lượng, an toàn và vệ sinh thực phẩm:

- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm tươi sống như thịt, sản phẩm thịt, thủy hải sản...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm đồ ăn, uống như nước giải khát, rượu, chè, cà phê, bánh kẹo, ngũ cốc, sữa và sản phẩm sữa...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các loại nước dùng trong ăn uống, chế biến, sản xuất...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn phụ gia thực phẩm, thực phẩm chức năng...

### ✓ Thử nghiệm các sản phẩm nông nghiệp:

- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm nông sản như rau, củ quả, trái cây...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi...

### ✓ Thử nghiệm các sản phẩm hàng tiêu dùng:

- Thử nghiệm bao bì, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm như đồ gia dụng, bát đĩa...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm giấy ăn, bìa cát tông, khăn ướt...

### ✓ Thử nghiệm các sản phẩm chất tẩy rửa:

- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm tẩy rửa trong nhà bếp như nước rửa chén bát, nước lau kính, nước tẩy rửa bếp...
- Thử nghiệm chất lượng, an toàn các sản phẩm bột giặt, nước giặt, nước lau sàn, nước xả vải, xà phòng bánh...
- Xác định các chỉ tiêu chất lượng, tính năng kỹ thuật của nông sản, thực phẩm, hải sản, thủy sản, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi (bao gồm cả các loại nguyên liệu, phụ gia, chất bao quản, phẩm màu), bao bì thực phẩm, nước sử dụng cho mục đích ăn uống (nước sinh hoạt, nước tinh lọc, nước khoáng đóng chai và nước dùng để sản xuất, chế biến thực phẩm).
- Các chỉ tiêu an toàn (hóa, sinh học) trong các hàng tiêu dùng và đồ chơi trẻ em,...
- Tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng Tiêu chuẩn, phương pháp thử, ...
- Phòng thử nghiệm cũng có thể cung cấp các dịch vụ đào tạo kỹ năng thử nghiệm, tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm và các tư vấn kỹ thuật khác theo yêu cầu.

## DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Tên thiết bị                                          | STT | Tên thiết bị                                |
|-----|-------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------|
| 1   | Bộ chuẩn độ điện thế và Karl Fisher Model 907 Titrand | 14  | Máy Sắc ký lỏng khối phổ Agilent (LC-MS/MS) |
| 2   | Máy đo nhiệt nóng chảy Electrotherme 9100             | 15  | Bộ quả cân chuẩn F1 (1mg-200g)              |
| 3   | Phân cực kế                                           | 16  | Bể cách thủy Memmert                        |
| 4   | Khúc xạ kế Abbe                                       | 17  | Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS 900T    |
| 5   | Sắc ký khí Shimadzu FID                               | 18  | Thiết bị sắc ký khí khối phổ GC/MS/MS 7010B |

| STT | Tên thiết bị                                                         | STT | Tên thiết bị                                        |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------------|
| 6   | Sắc kí khí MS Agilent 7890                                           | 19  | Thiết bị sắc ký khí GC detector FID và ECD- Agilent |
| 7   | Thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC DAD Agilent 1260 Infinity II | 20  | Máy ICP-MS                                          |
| 8   | Sắc kí lỏng cao áp HITACHI HPLC-DAD                                  | 21  | Cân phân tích Mettler toledo AE260S                 |
| 9   | Sắc kí lỏng cao áp HITACHI HPLC-RF                                   | 22  | Cân phân tích Mettler toledo AE260S                 |
| 10  | Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV/VIS                               | 23  | Cân kĩ thuật Sartorius LC820-OF2                    |
| 11  | Hệ thống quang phổ phát xạ quang học ICP-OES                         | 24  | Cân kĩ thuật Sartorius LC6200-OF2                   |
| 12  | Máy hấp thụ nguyên tử Varian AA 240 FS GTA 120                       | 25  | Cân vi lượng Mettler AT.21                          |
| 13  | Tủ sấy 1350FX-2CE-FX4 Shellab                                        | 26  | Lò nung FO310 Muffer Furnace Yamato                 |

#### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên          | Chức vụ            | NĂng lực chuyên môn                  | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|--------------------|--------------------|--------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                    |                    |                                      | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Trần Quân   | Trưởng phòng       | Thạc sĩ Hoá học                      |                    |          | X        |
| 2   | Tạ Thị Thu Mai     | Quản lý chất lượng | Thạc sĩ                              |                    |          | X        |
| 3   | Đinh Thanh Long    | Thử nghiệm viên    | Cử nhân Sinh học                     |                    |          | X        |
| 4   | Trần Thị Mai       | Quản lý kỹ thuật   | Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghệ thực phẩm |                    |          | X        |
| 5   | Nguyễn Thị Thơm    | Thử nghiệm viên    | Kỹ sư Công nghệ hoá học              |                    | X        |          |
| 6   | Trần Thị Hương     | Thử nghiệm viên    | Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hoá học     | X                  |          |          |
| 7   | Phạm Thị Lan       | Thử nghiệm viên    | Cử nhân Công nghệ hoá học            |                    | X        |          |
| 8   | Hà Văn Lâu         | Thử nghiệm viên    | Cử nhân Hoá học                      | X                  |          |          |
| 9   | Nguyễn Minh Thành  | Thử nghiệm viên    | Thạc sỹ Kỹ thuật hoá học             | X                  |          |          |
| 10  | Nguyễn Xuân Trường | Thử nghiệm viên    | Kỹ sư Kỹ thuật thực phẩm             | X                  |          |          |
| 11  | Trần Thị Hải       | Văn thư            | Cao đẳng                             |                    |          | X        |

# PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HOÁ CHẤT

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HOÁ CHẤT

**TÊN TIẾNG ANH:** ENVIRONMENTAL AND CHEMICAL TESTING LABORATORY

**ĐỊA ĐIỂM PTN:** Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

**MÃ SỐ:** VILAS 028

## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

➤ ***Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường đã được chỉ định của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo số hiệu Vimcerts 093:***

+ Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường nước mặt, nước ngầm, nước mưa, nước dùng cho tưới tiêu, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải y tế, nước thải theo những Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia hiện hành.

+ Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh, môi trường lao động, khí thải.

+ Quan trắc và phân tích chất lượng môi trường đất, trầm tích, bùn thải, chất thải.

➤ ***Phân tích chất lượng nước sạch đã được công nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) theo quyết định số Vilas 028:***

+ Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

+ Nước uống trực tiếp

+ Nước dùng trong công nghiệp

Đặc biệt, Phòng Thử nghiệm Môi trường và Hóa chất kết hợp với phòng thử nghiệm Vi sinh và GMO được vinh dự là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam được công nhận ISO/IEC 17025 cho đầy đủ 99 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT (Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt)

➤ ***Thử nghiệm máy lọc nước gia đình theo TCVN 11978:2017 và TCVN 11979:2017:*** Bố trí thử nghiệm máy lọc nước với các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh vật, lưu lượng lọc và hiệu suất lọc.

➤ ***Thử nghiệm phân bón đã được chỉ định của Bộ Nông nghiệp số 3098/QĐ-BVTV-KH ngày 10/10/2022:*** Phân tích các chỉ tiêu trong danh mục của quyết định.

➤ ***Thử nghiệm RoHS cho các sản phẩm điện, điện tử theo quyết định số 620/QĐ-BCT ngày 05/04/2022 của Bộ Công thương:*** Phân tích giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại: 4 kim loại (Pb, Cd, As, Hg), PBBs, PBDEs, Phthalates trong sản phẩm điện, điện tử.

➤ ***Thử nghiệm đồ chơi trẻ em theo QCVN 03: 2019/BKHCN:*** Phân tích các chỉ tiêu pH, kim loại, Formaldehyde, Amin thơm và Phthalates.

➤ ***Thử nghiệm vật liệu dệt may, gỗ và sản phẩm gỗ:*** Phân tích các chỉ tiêu kim loại, thời nhiễm Formaldehyde, Amin thơm.

➤ ***Thử nghiệm chất lượng khí nén theo ISO 8573:*** Đếm tiểu phân, nhiệt độ điểm sương, hàm lượng hơi dầu và vi sinh vật tổng số.

➤ ***Thử nghiệm chất lượng phòng sạch theo ISO 14644:*** Đếm tiểu phân. vi sinh vật tổng số.

➤ ***Hoạt động tư vấn và đào tạo:*** Tư vấn xử lý ô nhiễm môi trường. Đào tạo và cấp chứng chỉ thử nghiệm viên cho các lĩnh vực hoạt động của phòng.

## DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:

| STT | Thiết bị lấy mẫu hiện trường              | Thiết bị phân tích trong PTN |
|-----|-------------------------------------------|------------------------------|
| 1   | Máy lấy mẫu khí lưu lượng thấp Gilian (6) | Máy rung siêu âm             |

| STT | Thiết bị lấy mẫu hiện trường                              | Thiết bị phân tích trong PTN                              |
|-----|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 2   | Máy lấy mẫu khí lưu lượng thấp Buck (5)                   | Máy ly tâm MP4                                            |
| 3   | Máy lấy mẫu khí lưu lượng thấp SKC (5)                    | Hệ thống sắc ký lỏng HPLC-UV                              |
| 4   | Thiết bị thu mẫu khí lưu lượng lớn Staplex                | Hệ thống sắc ký lỏng cao áp LC10A                         |
| 5   | Máy đo nhiệt độ, độ ẩm                                    | Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Shimadzu IC 20AD (2)   |
| 6   | Nhiệt kế bức xạ công nghiệp Extech                        | Máy quang kế ngọn lửa                                     |
| 7   | Máy đo tiếng ồn Quest                                     | Máy chưng cất đạm Velp                                    |
| 8   | Máy đo ồn tích phân Rion NL-18                            | Bộ phá mẫu                                                |
| 9   | Máy đo ồn tích phân Rion NL-52                            | Máy rung Vortex                                           |
| 10  | Máy quang phổ khả kiến Hach DR/2010                       | Máy sắc ký khối phổ GC 5890HP                             |
| 11  | Máy định vị vệ tinh                                       | Máy sắc ký khí GC ThemorQuest                             |
| 12  | Máy đo nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, ánh sáng LM-8000A (2) | Máy sắc ký khí Shimadzu GC2010 Plus                       |
| 13  | Máy đo ánh sáng Lux                                       | Máy sắc ký khí GC 7890B/ MS 5977B                         |
| 14  | Máy đo rung Rion                                          | Hệ thống sắc ký khí GC 7890A/ MS 5975C                    |
| 15  | Máy đếm hạt bụi PC200                                     | Lò nung (2)                                               |
| 16  | Bộ lấy mẫu bụi khí thải auto isokinetic A2000-8064        | Tủ sấy (2)                                                |
| 17  | Bộ lấy mẫu khí UNI-VOS 1656-D                             | Tủ ẩm (2)                                                 |
| 18  | Áp kế (5)                                                 | Tủ cấy                                                    |
| 19  | Flowmeter lưu lượng lớn (2)                               | Nồi hấp SA-300VF                                          |
| 20  | Flowmeter lưu lượng thấp (2)                              | Tủ BOD FOC 225E                                           |
| 21  | Thiết bị đo nhanh khí thải Testo 350                      | Thiết bị phá mẫu COD ECO 25                               |
| 22  | Cân kỹ thuật (hiện trường) VB-2202B                       | Thiết bị nghiền mẫu lạnh                                  |
| 23  | Máy phân tích chất lượng khí nén S600                     | Thiết bị phân tích Tổng hàm lượng Cacbon hữu cơ TOC-Vcsh  |
| 24  | Máy định vị cầm tay GPS                                   | Máy quang phổ tử ngoại khả kiến UV-1800                   |
| 25  | Máy đo pH WTW                                             | AAS 280FS-máy quang phổ hấp thụ nguyên tử với lò Graphit. |
| 26  | Máy đo pH WTW (3)                                         | Hệ thống khối phổ Plasma cảm ứng ICP-MS 7700              |
| 27  | Máy đo pH, nhiệt độ, ORP cầm tay HandyLab (3)             | Hệ thống khối phổ Plasma cảm ứng ICP-MS 7900              |
| 28  | Máy đo TDS, EC, Sal 3510 IDS                              | Dàn bếp chiết shoxlett                                    |
| 29  | Máy đo độ dẫn điện, TDS WTW Cond 3110                     | Máy lắc bình nón (2)                                      |
| 30  | Máy đo độ đục cầm tay TB1 (2)                             | Lò vi sóng để công phá mẫu UniFlex                        |
| 31  | Máy đo đa chỉ tiêu HANNA HI9813-6                         | Lò vi sóng phá mẫu MARS 6 240/50                          |
| 32  | Máy đo đa chỉ tiêu PC110 LAQUAact                         | Máy khuấy từ gia nhiệt (3)                                |
| 33  | Máy đo oxy hoà tan trong nước Hach HQ40d                  | Thiết bị đo tổng hoạt độ phóng xạ alpha/beta WPC 1050     |
| 34  | Thiết bị đo vận tốc dòng chảy FP211                       | Bộ chưng cất Xyanua                                       |

| STT | Thiết bị lấy mẫu hiện trường | Thiết bị phân tích trong PTN              |
|-----|------------------------------|-------------------------------------------|
| 35  | Cân phân tích (2)            | Bộ chưng cất Phenol                       |
| 36  | Cân kỹ thuật (2)             | Máy chưng cất đậm Velp UDK 139            |
| 37  | Bộ quả cân chuẩn             | Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử 280 FS AA |
| 38  | Bể điều nhiệt Buchi          | Lò nung Nabertherm L 24/12                |
| 39  | Bể điều nhiệt HAAKE          | Tủ sấy Nabertherm TR 240                  |
| 40  | Máy cô quay chân không       | Máy nước cất 1 lần AWC/8S                 |
| 41  | Dàn bếp chiết shoxlett       | Máy nước cất 2 lần Aquatron A4000D        |
| 42  | Máy khuấy từ                 | Máy lọc nước ion Sartorius                |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn                      | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|------------------|-----------------|------------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                  |                 |                                          | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Đặng Việt Lâm    | Trưởng phòng    | Thạc sĩ Công nghệ sinh học & môi trường  |                    |          | X        |
| 2   | Cao Lam Giang    | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Khoa học Môi trường              |                    |          | X        |
| 3   | Hoàng Thu Thủy   | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Hoá học                          |                    |          | X        |
| 4   | Vũ Thị Thu Hương | Thử nghiệm viên | Cử nhân Hoá học                          |                    |          | X        |
| 5   | Phạm Lê Nguyên   | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường              |                    | X        |          |
| 6   | Nguyễn Hữu Đại   | Thử nghiệm viên | Cử nhân Công nghệ Môi trường             | X                  |          |          |
| 7   | Nguyễn Thế Hòa   | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường              | X                  |          |          |
| 8   | Đặng Phương Thảo | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường                | X                  |          |          |
| 9   | Hoàng Trị Anh    | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Môi trường      | X                  |          |          |
| 10  | Nguyễn Minh Ngọc | Thử nghiệm viên | Cử nhân Quản lý Tài nguyên và Môi trường | X                  |          |          |
| 11  | Nguyễn Công Sơn  | Thử nghiệm viên | Cử nhân Khoa học Môi trường              | X                  |          |          |
| 12  | Vũ Thị Ngọc      | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường              | X                  |          |          |

## PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

**TÊN TIẾNG VIỆT:** PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ

**TÊN TIẾNG ANH:** PETROLEUM TESTING LABORATORY

**ĐỊA ĐIỂM PTN:**

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội

**MÃ SỐ:** VILAS 028

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:**

- Thử nghiệm và đánh giá chất lượng, đặc tính kỹ thuật, an toàn của các sản phẩm xăng dầu khí theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cá nhân.
- Đào tạo thử nghiệm viên, tham gia tư vấn xây dựng phòng thử nghiệm, tư vấn kỹ thuật theo yêu cầu của các tổ chức cá nhân.
- Tham gia nghiên cứu khoa học, xây dựng tiêu chuẩn, xây dựng phương pháp thử nghiệm, phương pháp đánh giá chất lượng các sản phẩm Xăng, Dầu, Khí hóa lỏng.
- Các lĩnh vực thử nghiệm bao gồm Xăng, Dầu Diesel, dầu FO, dầu Nhòn, Khí hóa lỏng và các sản phẩm liên quan khác.

**DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                               | STT | Tên thiết bị                                                          |
|-----|--------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   | Máy đo trị số Octan                        | 23  | Thiết bị xác định nhiệt độ bốc hơi LPG và hàm lượng cặn cho LPG       |
| 2   | Thiết bị chung cất tự động                 | 24  | Bộ dụng cụ xác định độ ăn mòn tấm đồng cho LPG                        |
| 3   | Thiết bị xác định áp suất hơi bão hòa      | 25  | Thiết bị xác định hàm lượng nước tự do                                |
| 4   | Thiết bị xác định hàm lượng nhựa           | 26  | Thiết bị chung cất ở áp suất thấp                                     |
| 5   | Thiết bị xác định độ ổn định oxy hóa       | 27  | Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS (Xác định Fe, Mn, Pb, Ca, Mg, Zn) |
| 6   | Thiết bị kiểm tra ăn mòn đồng              | 28  | Thiết bị đo điểm chớp cháy cốc hở                                     |
| 7   | Bộ dụng cụ đo tỷ trọng                     | 29  | Thiết bị xác định Khối lượng riêng trong LPG                          |
| 8   | Thiết bị đo độ nhớt                        | 30  | Thiết bị xác định Hàm lượng nước vi lượng                             |
| 9   | Máy đo điểm chớp cháy cốc kín PMCC tự động | 31  | Thiết bị xác định hợp chất thơm đa vòng PAHs                          |
| 10  | Thiết bị đo nhiệt độ đông đặc              | 32  | Thiết bị xác định độ tạo bọt trong dầu nhờn                           |

| STT | Tên thiết bị                                 | STT | Tên thiết bị                                   |
|-----|----------------------------------------------|-----|------------------------------------------------|
| 11  | Thiết bị xác định hàm lượng cacbon vi lượng  | 33  | Thiết bị chưng cất tự động ở áp suất khí quyển |
| 12  | Lò nung                                      | 34  | Thiết bị xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng     |
| 13  | Máy đo nhiệt trị                             | 35  | Thiết bị xác định hàm lượng H <sub>2</sub> S   |
| 14  | Thiết bị xác định Hydrocacbon thơm và Olefin | 36  | Thiết bị xác định hàm lượng CO <sub>2</sub>    |
| 16  | Tủ sấy                                       | 37  | Thiết bị đo hàm lượng tạp chất                 |
| 18  | Máy trị số xetan                             | 38  | Thiết bị đo điểm sương                         |
| 19  | Máy xác định hàm lượng lưu huỳnh tự động     | 39  | Thiết bị đo nhiệt trị                          |
| 20  | Máy chuẩn độ điện thế tự động                | 40  | Thiết bị xác định thành phần khí thiên nhiên   |
| 21  | Máy sắc ký khí                               | 41  | Cân phân tích                                  |
| 22  | Bộ dụng cụ xác định áp suất hơi của LPG      |     |                                                |

#### DANH SÁCH NHÂN SỰ:

| STT | Họ và tên          | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn                           | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|--------------------|-----------------|-----------------------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                    |                 |                                               | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Tuấn Tú     | Trưởng phòng    | Kỹ sư Khoa học Môi trường                     |                    |          | X        |
| 2   | Dương Thị Thu Thảo | Thử nghiệm viên | Cử nhân khoa học ngành Sinh học               |                    |          | X        |
| 3   | Chu Thị Hường      | Thử nghiệm viên | Kỹ sư Thiết bị công nghệ Hóa học và Thực phẩm |                    |          | X        |
| 4   | Vương Hoàng Linh   | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học                      |                    | X        |          |
| 5   | Phạm Sơn Tùng      | Thử nghiệm viên | Thạc sĩ kỹ thuật hoá học                      | X                  |          |          |
| 6   | Đoàn Quang Việt    | Thử nghiệm viên |                                               |                    |          |          |
| 7   | Vũ Ngọc Tùng       | Thử nghiệm viên |                                               |                    |          |          |

**PHÒNG THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VÀ AN TOÀN CÔNG NGHIỆP**  
**TÊN TIẾNG VIỆT: PHÒNG THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VÀ AN TOÀN CÔNG NGHIỆP**  
**TÊN TIẾNG ANH: NON – DESTRUCTIVE TESTING (NDT) – INDUSTRIAL SAFETY**  
**INSPECTION DEPT**

**ĐỊA ĐIỂM PTN:**

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

Lô B2-3-6a KCN Nam Thăng Long, Phường Thượng Cát, Thành Phố Hà Nội

**MÃ SỐ: VILAS 028**

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:**

- Thử nghiệm không phá hủy (NDT): Vật liệu, mối hàn kim loại; mối hàn HDPE, ...
- Thử nghiệm kính xây dựng: Kính nổi; kính dán an toàn; kính tôi nhiệt an toàn (kính cường lực); kính hộp, ...
- Kiểm định kỹ thuật an toàn các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Thử nghiệm hiệu suất năng lượng nổi hơi.
- Thử nghiệm hiệu quả sử dụng nước: Vòi nước vệ sinh (sen tắm, vòi rửa bát, vòi rửa mặt); bồn cầu; máy giặt gia dụng.
- Thử nghiệm chất lượng các sản phẩm vòi nước vệ sinh (sen tắm, vòi rửa bát, vòi rửa mặt).
- Thử nghiệm khả năng chịu tải.
- Thử nghiệm khả năng chịu áp suất, thử kín: Các loại van; sản phẩm, thiết bị chịu áp, ...
- Thử nghiệm van an toàn: offline; online.
- Thử nghiệm đo lưu lượng, dung tích.
- Thử nghiệm các sản phẩm, thiết bị tập luyện thể dục thể thao.
- Thử tính toàn vẹn của buồng kín (Door fan test).
- Kiểm tra chấp nhận quy trình hàn, thợ hàn.

**DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                                    | STT | Tên thiết bị                                                     |
|-----|-------------------------------------------------|-----|------------------------------------------------------------------|
| 1   | Máy siêu âm dò khuyết tật                       | 10  | Thiết bị quang phổ tử ngoại-khả kiến cận hồng ngoại (UV-Vis/NIR) |
| 2   | Máy siêu âm mảng điều pha<br>Phased Array; TOFD | 11  | Thiết bị phân tích phổ hồng ngoại (IR)                           |
| 3   | Máy siêu âm đo chiều dày kim loại               | 12  | Thiết bị thử độ bền va đập bi rơi                                |
| 4   | Máy chụp Xquang                                 | 13  | Thiết bị thử độ bền va đập con lắc                               |
| 5   | Máy kiểm tra từ tính                            | 14  | Thiết bị thử nghiệm van an toàn online                           |
| 6   | Máy đo chiều dày lớp phủ                        | 15  | Đồng hồ lưu lượng nước kiểu siêu âm                              |
| 7   | Máy toàn đặc điện tử                            | 16  | Đồng hồ đo lưu lượng nước Siemens                                |
| 8   | Lực kế                                          | 17  | Đồng hồ đo lưu lượng khí, gas                                    |
| 9   | Bơm thử áp lực                                  | 18  | Hệ thống thử nghiệm tiết kiệm nước                               |

**DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên       | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn            | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|-----------------|-----------------|--------------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                 |                 |                                | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Nguyễn Minh Thư | Trưởng phòng    | Kỹ sư cơ điện                  |                    |          | X        |
| 2   | Trịnh Việt Hưng | Thử nghiệm viên | Kỹ sư cơ khí                   |                    | X        |          |
| 3   | Nguyễn Hải Hà   | Thử nghiệm viên | Kỹ sư công nghệ kỹ thuật nhiệt | X                  |          |          |
| 4   | Nguyễn Cảnh Hải | Thử nghiệm viên | Cử nhân kinh tế                |                    | X        |          |
| 5   | Lê Văn Tình     | Thử nghiệm viên |                                |                    | X        |          |
| 6   | Lê Bá Nhất      | Thử nghiệm viên | Kỹ sư công nghệ cơ điện tử     | X                  |          |          |

## PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH – GMO

TÊN TIẾNG VIỆT: PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH – GMO

TÊN TIẾNG ANH: MICROBIOLOGY & GMO TESTING LABORATORY

ĐỊA ĐIỂM PTN: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Tp. Hà Nội.

MÃ SỐ: VILAS 028

### LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Phân tích vi sinh trong các sản phẩm hàng hóa như:
  - Nông sản, thực phẩm, thủy hải sản, mỹ phẩm, thức ăn chăn nuôi (bao gồm cả các loại nguyên liệu, phụ gia, chất bảo quản, phẩm màu); bao bì thực phẩm; vật dụng y tế vô trùng; nước sử dụng cho mục đích ăn uống (nước máy, nước khoáng đóng chai và nước dùng để sản xuất, chế biến thực phẩm vv..), nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; nước mặt; Nước làm lạnh cooling tower; Chế phẩm sinh học, khử mùi; Phân bón vi sinh, Phân bón hữu cơ sinh học; Phân bón sinh học; Vải các loại; Giấy tissue, giấy ướt các loại;
  - Bim trẻ em; Băng vệ sinh; ...
  - Phân tích các vi sinh vật có lợi trong thực phẩm chức năng: *Lactic acid bacteria*, *Lactobacillus spp.*, *Lactobacillus acidophilus*, *Bifidobacterium*, *Bacillus spp.*, *Bacillus subtilis*, *Saccharomyces cerevisiae*, ...
- Sàng lọc phát hiện sinh vật biến đổi gen (GMO) trên các mẫu thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm dựa trên sự phát hiện các yếu tố như P 35S, T-NOS, P- FMV, Pat, Bar,...
- Phát hiện & định lượng từng dòng GMO bằng phương pháp chuyên biệt sự kiện: Đậu nành (GTS 40-3-2, ...) Bắp (Bt11, Bt176, MON810, NK603, GA21, TC1507,...) gạo (Bt-rice).
- Xác định sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật dựa trên trình tự gen trnL có trong lục lạp của thực vật, gen Lectin từ đậu nành, gen SSIIb từ bắp.
- Phát hiện DNA động vật ( cừu, lợn, bò, gà, dê...) trên nền mẫu thực phẩm, đồ ăn chay, thực phẩm Halal dùng cho người Hồi giáo; thức ăn chăn nuôi vv..
- Kiểm tra sự nhiễm khuẩn trên bề mặt của các thiết bị và dụng cụ tham gia quá trình chế biến thực phẩm; các thiết bị và dụng cụ phòng mổ, vật tư ngành y tế và các sản phẩm bảo vệ sức khỏe (dao, kéo, pank kẹp, ống tuyp lấy máu, dây kim tiêm truyền, bao cao su, găng tay, khẩu trang, bộ phòng dịch, ga trải phòng mổ....).
- Kiểm tra khả năng diệt khuẩn của các dung dịch sát trùng, máy khử khuẩn ...vv.
- Khả năng kháng khuẩn của Sơn, Vải, Giấy, vật liệu nhựa và các loại vật liệu bề mặt không có lỗ.
- Kiểm tra vệ sinh phòng sạch, vi sinh vật trong không khí và bề mặt, đánh giá việc tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP đối với bao bì dược phẩm tại các công ty sản xuất thuốc (theo các cấp phân loại phòng sạch theo thông tư 14/2012/TT-BYT: cấp A, B,C,D)
- Dịch vụ lấy mẫu tại nơi sản xuất, chế biến thức ăn; kiểm tra định kỳ vệ sinh an toàn thực phẩm tại nơi sản xuất như: lò mổ, bếp ăn tập thể tại các khu công nghiệp, khách sạn...v.v.
- Dịch vụ pha chế chuẩn bị môi trường nuôi cấy vi sinh dùng sẵn cho các phòng thí nghiệm chưa đủ điều kiện về mặt trang thiết bị.
- Định danh vi sinh vật đến loài bằng công nghệ khối phổ **MALDI-TOF (*Matrix Assisted Laser Desorption Ionization-Time of Flight*)** hỗ trợ các nhà máy sản xuất thực phẩm truy tìm nguồn gốc nguy cơ đã lây nhiễm vi sinh vật từ các nguyên liệu sản xuất khi sản phẩm cuối cùng có dấu hiệu ô nhiễm.

- Tư vấn và đào tạo: Cung cấp dịch vụ tư vấn hệ thống Quản lý chất lượng theo ISO/IEC17025 cho các phòng thử nghiệm, phòng sạch theo GMP. Đáp ứng các yêu cầu về thiết kế và trang bị cho Phòng thử nghiệm Vi sinh, ý kiến chuyên gia về các vấn đề liên quan chất lượng - an toàn vệ sinh thực phẩm.

#### **DANH MỤC THIẾT BỊ CHÍNH:**

| STT | Tên thiết bị                                       | STT | Tên thiết bị                                  |
|-----|----------------------------------------------------|-----|-----------------------------------------------|
| 1   | Cân phân tích                                      | 13  | Tủ an toàn sinh học cấp 2                     |
| 2   | Cân kỹ thuật điện tử                               | 14  | Đồng hồ bấm giây điện tử                      |
| 3   | Tủ nuôi vi sinh nhiệt độ thấp                      | 15  | Tủ thao tác PCR                               |
| 4   | Tủ ẩm                                              | 16  | Micropipet                                    |
| 5   | Nồi hấp tiệt trùng                                 | 17  | Máy nhân gen tốc độ cao có chức năng Gradient |
| 6   | Máy đo pH                                          | 18  | Tủ sấy đối lưu cưỡng bức                      |
| 7   | Tủ sấy                                             | 19  | Máy đo nhiệt độ                               |
| 8   | Tủ lạnh sâu                                        | 20  | Nhiệt ẩm kế                                   |
| 9   | Nhiệt kế điện tử Multi                             | 21  | Máy ủ nhiệt có làm lạnh kèm lắc rung          |
| 10  | Nồi hấp tiệt trùng                                 | 22  | Máy đo nồng độ DNA/RNA                        |
| 11  | Datalogger theo dõi nhiệt độ, độ ẩm                | 23  | Máy li tâm lạnh ống eppendorf để bàn          |
| 12  | Cân sử dụng cho máy pha loãng mẫu theo trọng lượng | 24  | Máy li tâm thu mẫu để bàn                     |

#### **DANH SÁCH NHÂN SỰ:**

| STT | Họ và tên        | Chức vụ         | Năng lực chuyên môn         | Thâm niên công tác |          |          |
|-----|------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------|----------|----------|
|     |                  |                 |                             | ≤ 10 năm           | ≥ 10 năm | ≥ 15 năm |
| 1   | Lê Thị Thúy Hằng | Trưởng phòng    | Thạc sỹ Sinh học            |                    |          | X        |
| 2   | Đỗ Thị Ngữ       | Thử nghiệm viên | Thạc sỹ Sinh học            |                    |          | X        |
| 3   | Nguyễn Minh Châu | Thử nghiệm viên | Thạc sỹ Sinh học            |                    |          | X        |
| 4   | Phạm Như Anh     | Thử nghiệm viên | Thạc sỹ Sinh học            |                    | X        |          |
| 5   | Võ Thị Phương    | Thử nghiệm viên | Thạc sỹ Sinh học            | X                  |          |          |
| 6   | Đinh Thu Thủy    | Thử nghiệm viên | Thạc Sĩ Kỹ thuật Môi trường | X                  |          |          |
| 7   | Lê Thị Mai Thanh | Kỹ thuật viên   | Công nghệ hoá hữu cơ        |                    | X        |          |



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

# QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH



## BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT ĐỊNH CỦA CÁC BỘ NGÀNH

| STT | Quyết định số | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu                                                                                                                                                                                  |
|-----|---------------|---------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 3550/TĐC-HCHQ | 08/12/2022    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                             |
| 2   | 207/TĐC-HCHQ  | 19/01/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý; Không phá hủy; Vật liệu xây dựng; Điện - Điện tử; Hóa học; Sinh học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC |
| 3   | 857/TĐC-HCHQ  | 03/04/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý; Vật liệu xây dựng; Điện - Điện tử; Sinh học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                         |
| 4   | 1438/TĐC-HCHQ | 17/05/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                      |
| 5   | 2546/TĐC-HCHQ | 11/08/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý, điện - điện tử, hoá học, sinh học, không phá hủy<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                    |
| 6   | 2837/TĐC-HCHQ | 06/09/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                      |
| 7   | 3393/TĐC-HCHQ | 18/10/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Sinh học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                   |
| 8   | 3793/TĐC-HCHQ | 16/11/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử, Cơ lý, hoá học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                             |
| 9   | 4072/TĐC-HCHQ | 06/12/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                      |
| 10  | 204/TĐC-HCHQ  | 16/01/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Vi sinh<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                    |

| STT | Quyết định số | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu                                                                                                                                          |
|-----|---------------|---------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | 726/TĐC-HCHQ  | 06/03/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                              |
| 12  | 1144/TĐC-HCHQ | 03/04/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                     |
| 13  | 1437/TĐC-HCHQ | 25/04/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                              |
| 14  | 1649/TĐC-HCHQ | 13/05/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                     |
| 15  | 1877/TĐC-HCHQ | 28/05/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Cơ lý, Hóa học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                     |
| 16  | 1906/TĐC-HCHQ | 29/05/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện - Điện tử<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                     |
| 17  | 244/GCN-BKHCN | 13/08/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Sinh học, hóa học, cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC           |
| 18  | 526/GCN-BKHCN | 30/10/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Sinh học, điện - điện tử<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC           |
| 19  | 614/GCN-BKHCN | 05/12/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Sinh học, cơ lý, vật liệu xây dựng<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC |
| 20  | 661/GCN-BKHCN | 20/12/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: hóa học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                            |
| 21  | 683/GCN-BKHCN | 27/12/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện-điện tử - Cơ lý<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC               |

| STT | Quyết định số | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|---------------|---------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22  | 196/GCN-BKHCN | 16/05/2025    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện-điện tử, cơ lý, sinh học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                                                                                    |
| 23  | 345/GCN-BKHCN | 11/07/2025    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: Điện-điện tử, cơ lý, sinh học<br>Số đăng ký: 72/TN-TĐC                                                                                                                                    |
| 24  | 258/TĐC-HCHQ  | 06/02/2023    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chứng nhận tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực chứng nhận:<br>• Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001/ISO 9001<br>• Chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>Số đăng ký: 53/CN-TĐC |
| 25  | 509/GCN-BKHCN | 24/10/2024    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chứng nhận tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực chứng nhận:<br>• Sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia<br>Số đăng ký: 53/CN-TĐC                                                                                       |
| 26  | 227/GCN-BKHCN | 04/06/2025    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chứng nhận tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực chứng nhận:<br>• Sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 25:2025/BKHCN)<br>Số đăng ký: 53/CN-TĐC                                                                  |
| 27  | 280/TĐC-HCHQ  | 08/02/2023    | Bộ KHCN - TĐC    | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br>Số đăng ký: 24/GĐ-TĐC                                                                                                                                    |
| 28  | 2556/TĐC-HCHQ | 14/08/2023    | Bộ KHCN - TĐC    | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa (LPG)<br>Số đăng ký: 24/GĐ-TĐC                                                                                                                              |
| 29  | 45/GCN-BKHCN  | 26/03/2025    | Bộ KHCN          | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br>Số đăng ký: 24/GĐ-TĐC                                                                                                                                    |

| STT | Quyết định số | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành         | Trích yếu                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|---------------|---------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 30  | 309/GCN-BKHCN | 30/06/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường<br>Số đăng ký: ĐK 01                                                                                            |
| 31  | 1545/QĐ-TĐC   | 02/07/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định về việc chứng nhận chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo                                                                                                                                                  |
| 32  | 1638/QĐ-TĐC   | 09/07/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường                                                                                                                              |
| 33  | 1640/QĐ-TĐC   | 09/07/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường                                                                                                                                                                    |
| 34  | 1639/QĐ-TĐC   | 09/07/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo (Chất chuẩn)                                                                                                                                             |
| 35  | 158/QĐ-BKHCN  | 04/02/2025    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp                                                                                                                                                                   |
| 36  | 845/QĐ-TĐC    | 04/05/2021    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá chứng nhận đối với thiết bị điện và điện tử gia dụng và các mục đích tương tự phù hợp với QCVN 9:2012/BKHCN và sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành |
| 37  | 1547/QĐ-TĐC   | 22/09/2022    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định thử nghiệm đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                                                   |
| 38  | 151/QĐ-TĐC    | 19/01/2023    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định chứng nhận đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (LPG, Xăng, Dầu, Khí)                                                                             |
| 39  | 298/QĐ-TĐC    | 21/02/2023    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định thử nghiệm đối với sản phẩm xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học phù hợp với QCVN 1:2022/BKHCN                                                                                              |
| 40  | 1380/QĐ-TĐC   | 14/08/2023    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định chỉ định giám định khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) phù hợp QCVN 8:2019/BKHCN                                                                                                                                         |
| 41  | 2917/QĐ-BKHCN | 26/10/2017    | Bộ Khoa học và Công nghệ | Quyết định về việc cấp phép hoạt động trang thông tin điện tử của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1                                                                                                     |
| 42  | 1970/QĐ-TĐC   | 04/11/2021    | Bộ KHCN - TĐC            | Quyết định giao nhiệm vụ đào tạo kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường                                                                                                                         |

| STT | Quyết định số  | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành | Trích yếu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|----------------|---------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 43  | 908/QĐ-TĐC     | 25/05/2023    | Bộ KHCN - TĐC    | Quyết định giao nhiệm vụ tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ xây dựng, triển khai Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 44  | 2727/QĐ-BCT    | 20/12/2021    | Bộ Công Thương   | Quyết định chỉ định tổ chức giám định phù hợp theo các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyên hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may (QCVN 01:2017/BCT) ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BCT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương<br>Phương thức giám định: PT7<br>Mã số chỉ định: 01.21.GĐ-DM |
| 45  | 514/QĐ-BCT     | 28/02/2025    | Bộ Công Thương   | Quyết định chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 46  | 620/QĐ-BCT     | 08/04/2022    | Bộ Công Thương   | Quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm giới hạn hàm lượng cho phép của 1 số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện và điện tử theo thông tư 30/2011/TT-BCT                                                                                                                                                                                                                                       |
| 47  | 785/QĐ-BCT     | 02/04/2024    | Bộ Công Thương   | Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm<br>Mã số: 007/2024/BCT-KNTP                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 48  | 827/QĐ-ATTP    | 04/04/2022    | Bộ Y tế          | Quyết định về việc giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 49  | 707/QĐ-ATTP    | 28/12/2023    | Bộ Y tế          | Quyết định về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 50  | 1210/QĐ-LĐTBXH | 15/08/2023    | Bộ Nội vụ        | Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<br>Số đăng ký chứng nhận: 42/GCN-KĐ                                                                                                                                   |

| STT | Quyết định số     | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành                        | Trích yếu                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------|---------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 51  | 1210/QĐ-LĐTBXH    | 15/08/2023    | Bộ Nội vụ                               | Quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội<br>Số đăng ký chứng nhận: 42/GCN-KĐ |
| 52  | 1920/QĐ-LĐTBXH    | 23/12/2019    | Bộ Nội vụ                               | Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội                                                                                                                                         |
| 53  | 43/GCN-BTNMT      | 10/07/2024    | Bộ TNMT                                 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường<br>Mã số: VIMCERTS 093                                                                                                                                                                                  |
| 54  | 2109/QĐ-BVTV-KHTH | 23/09/2024    | Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật       | Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón                                                                                                                                                                                                   |
| 55  | 1532/QĐ-BVTV-KH   | 14/06/2023    | Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật       | Quyết định chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón phù hợp với quy định tại QCVN 01-189:2019/BNNPTNT về chất lượng phân bón<br>Phương thức chứng nhận: Phương thức 5                                                                                          |
| 56  | 2980/QĐ-BVTV-KHTH | 20/12/2024    | Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật       | Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón, Thuốc BVTV                                                                                                                                                                                       |
| 57  | 310/GCN-BXD       | 22/12/2020    | Bộ Xây dựng                             | Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng<br>Mã số PTN: LAS-XD 1893                                                                                                                                                                           |
| 58  | 1087/QĐ-BGTVT     | 25/05/2011    | Bộ Xây dựng                             | Quyết định về việc chỉ định tổ chức đo, thử nghiệm thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô để công bố hợp quy theo QCVN 31:2011/BGTVT                                                                                                                                      |
| 59  | 1412/QĐ-BGTVT     | 28/10/2022    | Bộ Xây dựng                             | Quyết định về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm thiết bị mô phỏng để đào tạo lái xe ô tô - cabin học lái xe ô tô theo QCVN 106:2020/BGTVT của Bộ Giao thông vận tải                                                                                                          |
| 60  | 1837/QĐ-VPCNCL    | 20/08/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng Quốc gia | Quyết định và Chứng chỉ công nhận tổ chức giám định Quatest1 phù hợp theo ISO/IEC 17020:2012<br>Mã số: VIAS 025                                                                                                                                                             |

| STT | Quyết định số    | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành                   | Trích yếu                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|------------------|---------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 61  | 2011/QĐ-VPCNCL   | 04/11/2023    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận tổ chức chứng nhận Quatest1 có Hệ thống Chứng nhận sản phẩm (Product Certification System) phù hợp theo ISO/IEC 17065:2012<br>Mã số: VICAS 006-PRO                                                  |
| 62  | 2008/QĐ-VPCNCL   | 03/11/2023    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận tổ chức chứng nhận Quatest1 có Hệ thống Chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng (Quality Management System - QMS) phù hợp theo ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/IEC 17021-3:2017<br>Mã số: VICAS 006 - QMS |
| 63  | 1506/QĐ-VPCNCLQG | 04/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Cơ khí và Vật liệu xây dựng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Cơ, Hóa<br>Mã số: VILAS 028                                                      |
| 64  | 1457/QĐ-VPCNCLQG | 30/05/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Điện - Điện tử và Hiệu suất năng lượng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Điện - Điện tử<br>Mã số: VILAS 028                                    |
| 65  | 1505/QĐ-VPCNCLQG | 04/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Hàng tiêu dùng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Cơ<br>Mã số: VILAS 028                                                                        |
| 66  | 1532/QĐ-VPCNCLQG | 04/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Thực phẩm) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Hóa<br>Mã số: VILAS 028                                                                            |
| 67  | 1508/QĐ-VPCNCLQG | 04/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Môi trường và Hóa chất) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005<br>Lĩnh vực công nhận: Hóa<br>Mã số: VILAS 028                                                               |

| STT | Quyết định số    | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành                   | Trích yếu                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------|---------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 68  | 1507/QĐ-VPCNCLQG | 04/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Xăng Dầu Khí) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Hóa<br>Mã số: VILAS 028                                                      |
| 69  | 1539/QĐ-VPCNCLQG | 06/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Không phá hủy và An toàn công nghiệp) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Không phá hủy, Vật liệu xây dựng<br>Mã số: VILAS 028 |
| 70  | 1540/QĐ-VPCNCLQG | 06/06/2025    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (PTN Vi sinh) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Sinh, Hóa<br>Mã số: VILAS 028                                                     |
| 71  | 1702/QĐ-VPCNCL   | 03/08/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (Phòng Đo lường Khối lượng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn<br>Mã số: VILAS 216                           |
| 72  | 2096/QĐ-VPCNCL   | 16/09/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (Phòng Đo lường Điện) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn<br>Mã số: VILAS 216                                 |
| 73  | 1747/QĐ-VPCNCL   | 16/09/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (Phòng Đo lường Cơ - Độ dài) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn<br>Mã số: VILAS 216                          |
| 74  | 2108/QĐ-VPCNCL   | 17/09/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (Phòng Đo lường Nhiệt, Âm và Hóa lý phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn<br>Mã số: VILAS 216                   |

| STT | Quyết định số  | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành                   | Trích yếu                                                                                                                                                                                         |
|-----|----------------|---------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 75  | 2118/QĐ-VPCNCL | 20/09/2024    | Văn phòng công nhận chất lượng BoA | Quyết định và Chứng chỉ công nhận Phòng thí nghiệm Quatest1 (Phòng Đo lường Dung tích Lưu lượng) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017<br>Lĩnh vực công nhận: Đo lường - Hiệu chuẩn<br>Mã số: VILAS 216 |



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38360289 Fax: (024) 38361199 Email: [thitruong@quatest1.com.vn](mailto:thitruong@quatest1.com.vn)

**CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**



Member of ILAC/APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1  
*QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1*

Trụ sở chính/ *Head office:*

Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
*No. 8 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Cau Giay district, Ha Noi city*

Địa điểm được công nhận/ *Accredited locations:*

Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
*No. 8 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Cau Giay district, Ha Noi city*

Mã số/ *Accreditation No.*

**VIAS 025**

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/ IEC 17020:2012 (TCVN ISO/IEC 17020:2012)**

Phạm vi được công nhận

*Scope of Accreditation*

Theo phụ lục của Quyết định số: 1837/QĐ-VPCNCL ngày 20/08/2024

*As in the accreditation schedule accompanied with  
accreditation decision No. 1837/QĐ-VPCNCL dated 20 August 2024*

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
*(Director of Bureau of Accreditation)*

VĂN PHÒNG  
CÔNG NHẬN  
CHẤT LƯỢNG

**TRẦN THỊ THU HÀ**

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 20/08/2024 đến/ to 15/10/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 16/10/2012





Member of IAF MLA/ APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1  
*QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1*

*Địa chỉ/ Location:*

Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
*E building, No 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do ward, Cau Giay district, Ha Noi*

*Mã số/ Accreditation No.*

**VICAS 006 - PRO**

Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận Sản phẩm  
Tổ chức chứng nhận phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn

*is accredited to operate audit and certification of Product.*

*The Accredited Certification Body meets the requirements of standards*

**ISO/IEC 17065:2012**

**PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*Scope of Accreditation*

Theo phụ lục của Quyết định số 2011/QĐ-VPCNCL ngày 04/11/2023

*As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision*

*No 2011/QĐ-VPCNCL dated November 04, 2023*

**GIÁM ĐỐC**  
**VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG**  
*(Director of Bureau of Accreditation)*

VĂN PHÒNG  
CÔNG NHẬN  
CHẤT LƯỢNG

**TRẦN THỊ THỊ HÀ**

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 04/11/2023 đến/ to 21/12/2026

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 20/06/2014





Member of IAF MLA/ APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1  
*QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1*

Địa chỉ/ Location:

Nhà E, Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
*E building, No 8 Hoang Quoc Viet, Nghia Do ward, Cau Giay district, Ha Noi*

Mã số/ Accreditation No.

**VICAS 006 - QMS**

Được công nhận có đủ năng lực tiến hành đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng  
Tổ chức chứng nhận phù hợp theo yêu cầu của tiêu chuẩn

*is accredited to operate audit and certification of Quality Management System.*

*The Accredited Certification Body meets the requirements of standards*

**ISO/IEC 17021-1:2015 & ISO/IEC 17021-3:2017**

**PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*Scope of Accreditation*

Theo phụ lục của Quyết định số 2008/QĐ-VPCNCL ngày 03/11/2023

*As in the accreditation schedule accompanied with accreditation decision*

*No 2008/QĐ-VPCNCL dated November 03, 2023*

GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 03/11/2023 đến/ to 05/04/2027

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 13/11/2017





Member of ILAC/APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG ĐO LƯỜNG KHỐI LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Laboratory:

MASS MEASUREMENT LABORATORY  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực công nhận

*Field of Accreditation*

**ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN**

*Measurement - Calibration*

Mã số

*Accreditation No*

**VILAS 216**

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 1702/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 03/08/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 03/08/2024 đến/ to 27/11/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 28/11/2012





Member of ILAC/APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG ĐO LƯỜNG ĐIỆN

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Laboratory:

ELECTRICAL MEASUREMENT LABORATORY

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn

*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực công nhận

*Field of Accreditation*

ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN

*Measurement - Calibration*

Mã số

*Accreditation No*

**VILAS 216**

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 2096/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 16/09/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 16/09/2024 đến/ to 27/11/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 28/11/2012





Member of ILAC/APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG ĐO LƯỜNG CƠ VÀ ĐỘ DÀI  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Laboratory:

MECHANICAL AND LENGTH MEASUREMENT LABORATORY  
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực công nhận

*Field of Accreditation*

ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN

*Measurement - Calibration*

Mã số

*Accreditation No*

**VILAS 216**

GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)



Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 1747/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 16/09/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 16/09/2024 đến/ to 27/11/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 28/11/2012





Member of ILAC/APAC MRA

# CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

## Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

PHÒNG ĐO LƯỜNG NHIỆT, ẨM VÀ HÓA LÝ  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1

Laboratory:

DEPARTMENT OF TEMPERATURE, HUMIDITY AND  
PHYSICOCHEMICAL METROLOGY  
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)

Địa điểm PTN/ Lab location:

Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn  
*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực công nhận

*Field of Accreditation*

ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN

*Measurement - Calibration*

Mã số

*Accreditation No*

**VILAS 216**

GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)



**\*TRẦN THỊ THU HÀ**

Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 2108/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 17/09/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 17/09/2024 đến/ to 27/11/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 28/11/2012





Member of ILAC/APAC MRA

# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN** *Certificate of Accreditation*

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG ĐO LƯỜNG DUNG TÍCH LƯU LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Laboratory:**

**VOLUME AND FLOW LABORATORY  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 1 (QUATEST 1)**

**Địa điểm PTN/ Lab location:**

**Số 8 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội**  
**đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**  
*has been assessed and found to conform with the requirements of standard*

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

*Field of Accreditation*

**ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN**

*Measurement - Calibration*

**Mã số**

*Accreditation No*

**VILAS 216**

**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
(Director of Bureau of Accreditation)**



**\*TRẦN THỊ THU HÀ**

Kèm theo Quyết định công nhận số/ Accompanied with Decision no: 2116/QĐ-VPCNCL ngày/ dated 20/09/2024

Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày/ This certificate is valid from: 20/09/2024 đến/ to 27/11/2029

Ngày được công nhận lần đầu/ Initial accreditation date: 28/11/2012



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

- 1. Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội**
- 2. Lô 2-3-6A KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội**

**đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**CƠ, HÓA**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1506/QĐ-VPCNCLQG ngày 04/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 04/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**

**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

- 1. Số 8 đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội**
- 2. Lô B2-3-6A, KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương,  
quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội**

**đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1457/QĐ-VPCNCLQG ngày 30/05/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 30/05/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**



**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**

**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM HÀNG TIÊU DÙNG  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

- 1. Số 8 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội**
- 2. Lô B2-3-6A Khu CN Nam Thăng Long, Thụy Phương,  
Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội**

**đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**CƠ**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1505/QĐ-VPCNCLQG ngày 04/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 04/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**

**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

**Số 8 đường Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**HÓA**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1532/QĐ-VPCNCLQG ngày 04/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 04/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**



**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**

**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

**Số 8 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**HÓA**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1508/QĐ-VPCNCLQG ngày 04/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 04/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**



**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**

**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM XĂNG DẦU KHÍ  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

**Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**HÓA**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1507/QĐ-VPCNCLQG ngày 04/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 04/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**



**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**

**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM KHÔNG PHÁ HỦY VÀ AN TOÀN CÔNG NGHIỆP  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

**Lô B2-3-6A, KCN Nam Thăng Long, phường Thụy Phương,  
quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội**

**đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**CƠ, KHÔNG PHÁ HỦY (NDT), VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1539/QĐ-VPCNCLQG ngày 06/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 06/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**

**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**



**ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (STAMEQ)  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)**



# **CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN**

**Phòng thí nghiệm:**

**PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH & GMO  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1**

**Địa điểm PTN:**

**Số 8 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn**

**ISO/IEC 17025:2017**

**Lĩnh vực công nhận**

**SINH, HÓA**

**Mã số**

**VILAS 028**

**Kèm theo Quyết định công nhận số: 1540/QĐ-VPCNCLQG ngày 06/06/2025**

**Chứng chỉ có hiệu lực từ ngày: 06/06/2025 đến 06/05/2026**

**Ngày được công nhận lần đầu: 06/05/2011**



**GIÁM ĐỐC  
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA**



**TS. Trần Thị Thu Hà**